

ĐẶNG TRẦN CÔN & PHAN HUY ÍCH

CHÍNH PHẠNG

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

a bilingual edition

translated and annotated by HUỲNH SANH THÔNG

illustrated by TRÙNG DŨNG



The LẠC-VIỆT Series — No. 3

COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES
YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES

HÀNG TRẦN VĂN & PHẠM HUY 196

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

(HÀNH VÀO ĐƯỜNG)

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

The Song of a Soldier's Wife
A collection of poems by
Hàng Trần Văn & Phạm Huy
Translated by [Name]
First published in 1966

First published in 1966

First published in 1966

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

ACKNOWLEDGMENT

The publication of this third volume in the Lạc-Việt Series is made possible by continued support from the Henry Luce Foundation, whose initial grant helped to launch the Yale Southeast Asian Refugee Project in 1981.

ĐẶNG TRẦN CÔN & PHAN HUY ÍCH

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

(CHINH PHỤ NGÂM)



a bilingual edition

translated and annotated by huỳnh sanh thông

illustrated by trùng dưỡng



The LẠC-VIỆT Series — No. 3

COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES
YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES

YALE SOUTHEAST ASIA STUDIES

James C. Scott, Director

Copyright © 1986 by Yale Southeast Asia Studies

International Standard Book Number: 0-938692-24-0

Library of Congress Catalog Card Number: 85-73465

The LẠC-VIỆT Series



No. 3

O. W. Wolters, Senior Editor

Huỳnh Sanh Thông, Executive Editor

M. Kay Mansfield, Business Manager

Nguyễn Mộng Giác, West Coast Representative

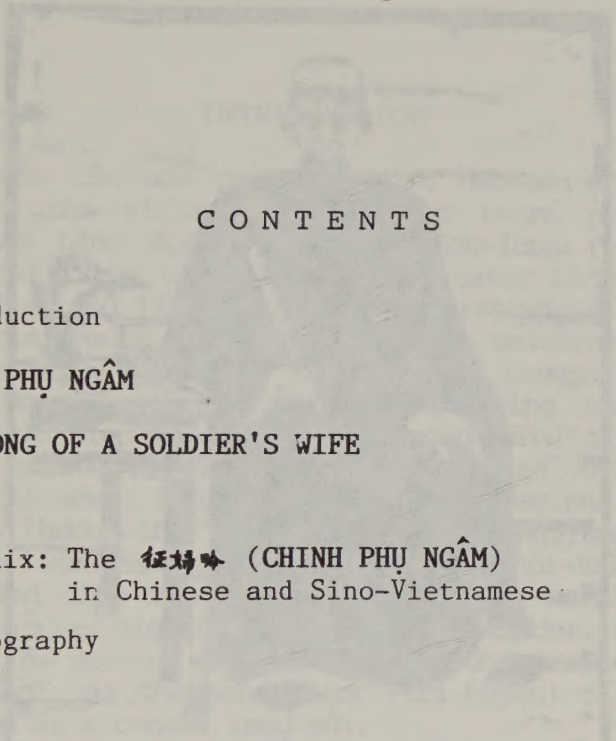
Price: US\$7.00

Your check or money order should be made payable to: Yale Southeast Asia Studies.

Please address all inquiries to:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

Printed in the U.S.A.



CONTENTS

Introduction	vii
CHINH PHỤ NGÂM	2
THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE	3
Notes	77
Appendix: The 征婦吟 (CHINH PHỤ NGÂM) in Chinese and Sino-Vietnamese	88
Bibliography	118



PHAN HUY ÍCH

portrait painted in Yen-ching (Peking) in 1790

INTRODUCTION

Đặng Trần Côn was probably born between 1710 and 1720 in the village of Nhân-mục (more popularly known as Làng Mọc), west of Thăng-long (present-day Hanoi), the capital under the Later Lê dynasty. He died around 1745, in his late thirties.

In his youth Đặng was already celebrated for his fanatical devotion to studies. Legend has it that, when a strict curfew was being enforced, Đặng would dig himself an underground shelter where, by an undetected light, he could read and write until the small hours. He passed the regional examination (hương-thĩ) and, as a hương-công, qualified for the examination in the capital (hội-thĩ). But he failed this crucial test and, as a result, was never to rise high on the mandarin ladder. Successively, he served as a provincial education officer (huân-đạo), as the subprefect (tri-huyện) of Thanh-oai, and as a censor (ngự-sứ).

According to his contemporary Phạm Đình Hổ (in the *Tang thường ngẫu lục* or "Random Notes of Vicissitudes"), Đặng Trần Côn was admired as a free spirit, fond of wine and good at poetry or rhythmic prose (phú), particularly adept in the use of classical allusions. His writings became models for students and scholars of his time.

His most famous work, the one destined to keep his name forever shining in the history of Vietnamese literature, was a poem written in classical Chinese: the *Chinh phụ ngâm* 征婦吟 or "The Song of a Soldier's Wife".

The poem can be best described as an extraordinarily astute pastiche of bits and pieces from Han and T'ang verse on a theme close to many hearts in Đặng Trần Côn's lifetime as well as throughout Vietnam's turbulent history: war and the sorrows caused by war. It must have created a sensation among fellow scholars and poets, for quite a few undertook to translate it into Vietnamese verse and make it available to the general public.

Of the seven such versions which have survived, the best known and loved is used as the basis for this English rendition. For a long time, it was attributed to the woman poet Đoàn Thị Điểm (1705-1748). But now more and more scholars and critics have come to accept Professor Hoàng Xuân Hãn's carefully documented thesis that it was in fact the work of Phan Huy Ích.

Phan Huy Ích was born in 1749 or 1750 and died in 1822. He graduated with top honors at the Nghệ-an examination in 1771 and was found so brilliant that he was at once appointed to office in Son-nam. But he preferred to pursue his academic career and won the doctorate (*tiên-sĩ*) in 1775. Though he had a checkered life as a mandarin, in the main he enjoyed the high regard and trust of succeeding rulers, the Trịnh lords and the Tây-sơn sovereigns, and even Emperor Gia-long, the founder of the Nguyễn dynasty, even though Phan had served the latter's enemies: he was revered as an unusually gifted man of letters, more motivated by the spirit of public service than by partisanship.

Unlike Đặng Trần Côn who was not known to have composed anything in Vietnamese, Phan Huy Ích wrote extensively both in classical Chinese and in the vernacular. Upon completing his translation of Đặng's *Chinh phụ ngâm*, Phan commemorated the event with the following poem in Chinese:

The Nhân-mục master once wrote "The Song of a Soldier's Wife".

The Grove of Letters sings his hymn to love.

Many have prized it as their meat and drink.
Not few have toiled to tell it in our speech.
A poem's essence can't be rendered whole—
in melody the lyric comes to life.
At leisure I created this new song:

I hope I saw clear through the poet's heart.

Phan's version was composed in the "double-seven six-eight" (*song-thất lục-bát*)* meter like the other masterpiece of Vietnamese lyricism, the *Cung oán ngâm khúc* ("A Plaint Inside the Imperial Harem") by Nguyễn Gia Thiều. But, in contrast to the latter poem, "The Song of a Soldier's Wife" vividly and sensitively treats a topic of universal relevance without digression into philosophical musings: through the voice of a wife deploring the absence of her man, who is away fighting on some far-off battlefield, the poem expresses the yearning of average people for peace, for simple joys that have turned into unaffordable luxuries, being sacrificed to the "higher" goals of the state. In particular, Phan's Vietnamese version, with its natural grace and spellbinding music, has raised the translation of poetry to high art and enjoyed a wide audience among all segments of the population, whereas the original is now known only to a few specialists. Most Vietnamese will feel pangs of recognition when they hear the opening line of the translation:

Thưở trời đất nổi cơn gió bụi...

* For a discussion of the "double-seven six-eight" meter, read the introduction to *The Heritage of Vietnamese Poetry*, edited and translated by Huỳnh Sanh Thông, Yale University Press, New Haven, Connecticut, 1979.



Trưng Dị Ông 182



Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên.
Xanh kia thăm-thăm tầng trên,
vì ai gây-dựng cho nên nỗi này?

Trống Tràng-an long-lay bóng nguyệt. 5
Lửa Cam-tuyền rực-rệt thức mây.
Chín lần gươm báu chống tay,
nửa đêm truyền hịch định ngày xuất-chinh.

Nước thanh-bình ba trăm năm cũ,
áo nhung trao quan vũ tử đây. 10
Sứ Trời sớm giục đường mây,
phép công là trọng niềm tây sá nào.

Đường giông-ruồi lũng đeo cung tiễn,
buổi tiễn-đưa lòng bịn thê noa.
Bóng cò tiếng trống xa-xa, 15
sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng.

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào-kiệt,
gác bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,
thuốc gươm đã quyết chàng dung giặc Trời. 20

When all through earth and heaven rise dust storms,
how hard and rough, the road a woman¹ walks!
O thou that rulest in yonder blue above,
who is the cause and maker of this woe?

In our Ch'ang-an² drums beat and moonlight throbs.
On Mount Kan-ch'üan³ fires burn and clouds glow red.
The Emperor,⁴ leaning on his precious sword,
at midnight calls for war and sets the day.

The realm has known three hundred years of peace—
now soldiers don their battle dress once more.
At daybreak heralds⁵ speed them through the mists—
the law outweighs what they may feel inside.

Full armed with bows and arrows, they fare forth,
from wives and children wrenching their numb hearts.
As banners wave and drums resound far off,
grief spreads from chamber door to mountain pass.

Born to a race of heroes, you, my love,
discard your brush and ink⁶ for tools of war.⁷
You vow to capture citadels for the throne—⁸
your sword will spare no foe of Heaven's sway.⁹

Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa,
gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao.
Giã nhà đeo bức chiến-bào,
thét roi cầu Vị ào-ào giố thu.

A man will win a horseskin for his shroud—¹⁰
his life he'll drop in battle like goose down.¹¹
In war attire you leave and cross the Wei,¹²
cracking your whip while roars the autumn wind.

昭
昭
昭
昭



Ngồi đầu cầu nước trong như lọc.

25

Đường bên cầu cỏ mọc còn non.

Đưa chàng lòng dằng-dặc buồn,
bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền.

Nước có chảy mà phiên chẳng dã.

Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

30

Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
bước đi một bước giây giây lại dừng.

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi.

Lòng chàng toan băng cỏi non Thiên.

Rượu thôi múa cán Long-tuyền,
chỉ ngang ngọn giáo vào miền hang beo.

35

Săn Lâu-lan rừng theo Giới Tử.

Tối Man-kê bàn sự Phục Ba.

Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

40

Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

Hà-lương chia ghe đường này,
bên đường trông lá cỏ bay ngùi-ngùi.

Beneath the bridge the brook flows crystal-clear.
Along the nearby path thrives grass, still young.
I see you off and sorrow—oh, to be
your horse on land, your vessel on the stream!¹³

The water flows, yet grief won't wash away.
The grass smells sweet, yet hearts won't feel assuaged.
We say goodbye, then we hold hands again—
we try to part, keep halting at each step.

My heart pursues you like the moon on high.
Your heart leaps space, bound for the Thousand Peaks.¹⁴
The wine once drained, you wave the Lung-ch'üan sword¹⁵
and thrust it toward the lair of those wild beasts.¹⁶

You'll tread in Chieh-tzu's steps and seize Lou-lan.¹⁷
You'll reach Man-hsi, discussing old Fu-po.¹⁸
Your coat is red as sunglow from the clouds;
your horse is white as if all soaked with snow.

A jumbled din of drums and horses' bells—
we huddle face to face, then have to part.
Here at this bridge we'll go our separate ways—
forlorn beside the road, I watch flags fly.



Xe trước đã gần ngoài doanh Liễu.

45

Kỵ sau còn ngút nẻo Tràng-dường.

Quân đưa chàng ruổi lên đường,
liều dưởng biết thiếp đoạn-trường này chẳng?

Tiếng địch trỗi nghe chừng đồng-vọng.

Hàng cờ bay trông bóng phát-phở.

50

Dấu chàng theo lớp mây đưa,
thiếp nhìn rặng núi gần-ngỡ nổi nhà.

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,

thiếp lại về buồng cũ chiếu chăn.

Đoái trông nhau đã cách ngăn,
tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.

55

Chốn Hàm-dường chàng còn ngảnh lại.

Ngác Tiêu-tướng thiếp hãy trông sang.

Khóai Tiêu-tướng cách Hàm-dường.

Cây Hàm-dường cách Tiêu-tướng mấy trùng.

60

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,

thấy xanh-xanh những mấy ngàn dâu.

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Carts form the van, approaching Willow Camp.¹⁹
Horsemen bring up the rear at Poplar Field.²⁰
In haste the troops escort you on your way—
do willows and poplars know I break inside?

Flutes pipe and send faint echoes from afar.
Flags file and stir vague shadows to and fro.
Your tracks pursue the trail of clouds on clouds—
I watch the mountain range and mourn our home.²¹

Your way leads you to lands of rain and wind—
mine takes me back to our old room, our bed.²²
We turn and look, but all has come between—
green mountains and blue clouds roll on and on.

You in Han-yang²³ still turn your head and gaze.
Here at Hsiao-hsiang²⁴ I still stare after you.
Between, the Hsiao-hsiang mists shut off Han-yang.
Between, the Han-yang trees shut off Hsiao-hsiang.

We look to find each other but see none—
we only see those green mulberry groves.
Mulberry groves all share one shade of green—
of your own grief and mine, which hurts the more?



Chàng từ đi vào nơi gió cát,
đêm trăng này nghỉ mắt phưởng nao?
Xưa nay chiến-địa đường bao,
nội không muôn dặm xiết sao dài-dầu.

65

Hơi gió lạnh người dầu mặt dạn,
dòng nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên gối trống đã chồn,
nằm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh.

70

Nay Hán xuống Bạch-thành đóng lại,
mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.
Hình khe thế núi gần xa,
đứt thôi lại nối thấp đà lại cao.

75

Sương đầu núi buổi chiều như giội,
nước lòng khe nẻo lội còn sâu.
Thường người áo giáp bấy lâu,
lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.

80

Trên trưởng gấm thêu hay chẳng nhẽ?
Trạng chinh-phu ai vẽ cho nên?
Tưởng chàng giông-ruổi mấy niên,
chẳng nơi Hãn-hải thi miền Tiêu-quan.

Since you left for the realm of wind and sand,
where are you resting on this moonlit night?
Of old and now, such are all battlegrounds,
those endless wastes the elements strike at.

Men's faces shrivel under raw wind blasts,
and horses' knees will buckle fording streams.
For pillows all hug saddles or clasp drums—
all lie asleep on white sand or green moss.

Today Han troops pitch camp inside Pai-têng,²⁵
tomorrow Huns will watch from the Blue Sea.²⁶
A scene of streams and mountains, near or far—
they roll on, then break off, they rise and fall.

From mountain peaks dew drops like rain at dusk,
and down in streams the fords still lie waist-deep.
Pity those who've long worn their coats of mail—
their homesick faces bear a world of gloom.

Inside brocaded curtains, does He know?²⁷
A soldier's portrait who can paint for Him?
I think of you who've wandered all these years,
from the Vast Desert²⁸ to the Lonesome Pass.²⁹

Đã trắc-trổ² đòi ngàn xà hổ²,
lại lạnh-lùng² nhữn²g chỗ² sưởn²g phong.

Lên cao trôn²g thướ²c mây lôn²g,
lôn²g nào là chẳn²g độn²g lôn²g bi-thườn²g?

You've braved the wilds where snakes and tigers lurk;
you've shivered dwelling with chill dew and wind.
I climb on high and watch the pall of clouds—
whose heart can stay unstirred by longing pangs?

Tử trấ²y sang đ²ông nam kh²ởi n²ẻo,
bi²ết nay ch²àng ti²ến-th²ảo n²ơi đ²âu?

90

Nh²ững ng²ười ch²inh-ch²iến b²ấy l²âu
nh²e xem t²ính-m²ệnh nh²ư m²àu c²ỏ c²ây.

N²ực h²ơi m²ãnh ỏn d²ày t²ử tr²ước,
tr²ải ch²ốn ngh²èo t²uổi đ²ược b²ao n²hiêu?

95

Non K²ỳ qu²ạnh-qu²ẻ tr²ắng tr²eo,
b²ến Ph²ỉ gi²ó th²ối đ²iù-hi²u m²ấy g²ò.

H²ồn t²ử-s²ĩ gi²ó ù-ù th²ối,
m²ặt ch²inh-ph²u tr²ắng đ²ối-d²ối soi.

Ch²inh-ph²u t²ử-s²ĩ m²ấy ng²ười,
n²ào ai m²ạc m²ặt n²ào ai g²ọi h²ồn?

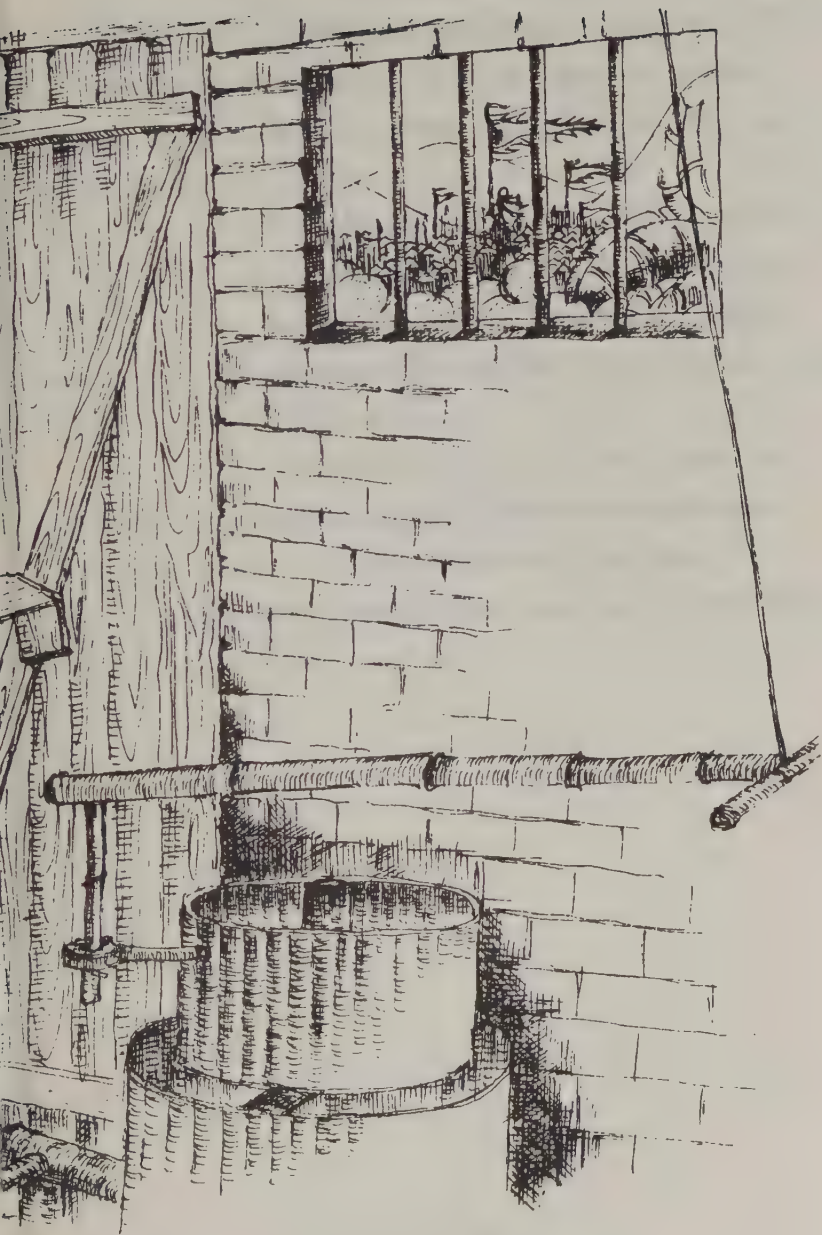
100

You left and traveled toward the far Southeast—
who knows where you are fighting at this hour?
All those who for so long have gone to war
have learned to treat their lives like leaves of grass.

With valiant spirit they'll pay off great debts—
how many, courting perils, will die old?
The moon shines dangling over hushed Mount Ch'i.³⁰
Winds blow on lonesome tombs along the Fei.³¹

Winds howl and howl at ghosts of those war's killed—
on soldiers' faces shines the stalking moon.
O men, alive or dead, has anyone
portrayed your faces or invoked your souls?





Dấu binh lửa nước non như cũ,
kể hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già cõi chiến-trường,
chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.

Tưởng chàng trải nhiều bề nằng-nổ,
ba thước gươm một cổ nhung-yên.

105

Xông-pha gió bãi trắng ngàn,
mây reo đầu ngựa dáo dạt thành.

Áng công-danh trăm đường rộn-rã,
những nhọc-nhân nào đã nghỉ-ngơi.

110

Nỗi niềm biết ngỏ cùng ai?
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.

The brand of war has marked old streams and hills—
a traveler, passing by, feels wrung at heart.
A man must spend his prime on battlegrounds:
with hair all streaked with frost, Pan Ch'ao³² came
home.

I think of you enduring pains and hurts—
armed with a sword, a saddle, you rush through
windswept shores, moonlit woods as arrows whizz
past horses' heads and spears attack the walls.

A hundred hardships strew the path of fame—
you toil and struggle, never taking rest.
To whom can you confide what moves your heart?
I'm here at home, you're there at heaven's edge.³³

Trong cửa này đã đành phận thiếp,
ngoài mây kia há kiếp chàng vay?
Những mong cá nước sum-vầy,
bao ngở đôi ngả nước mây cách vơi. 115

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh-phụ,
chàng há từng học lũ vương-tôn.
Cớ sao cách-trở nước non,
khiến người thôi sớm thì hôm những rầu. 120

Phết phong-lưu đang chừng niên thiếu,
sánh nhau cùng dan-díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu-niên
quan-sơn để cách hàn-huyên bao đành?

Thuở lâm-hành oanh chưa khẩn liểu,
hỏi ngày về ước nẻo quyên ca. 125
Nay quyên đã trực oanh già,
ý-nhi lại gáy trước nhà liú-lo.

Thuở đặng-đồ mai chưa dạn gió,
hỏi ngày về chỉ độ đào bông. 130
Nay đào đã quuyền gió đông,
phù-dung lại rã bên sông ba-xòa.

Inside this door I live my fated life,
but were you born to roam at heaven's edge?
We hoped to join like fish and water once:
instead, we've split apart, a stream, a cloud.

I never thought I'd be a soldier's wife,
you never aped rich playboys wandering far.³⁴
Why are those streams and hills dividing us
and causing us to sorrow day and night?

Endowed with grace and charm in youthful bloom,
we formed a couple bound by bonds of love.
Who has the heart to break young lovers up
and build a mountain wall between the two?

No orioles yet on willows—you set out
and promised you'd come back when cuckoos sang.
Cuckoos have followed orioles grown old—
before the house some swallows chirp and peep.

Plum trees were still wind-shy when you went forth
and promised you'd come back as peaches bloomed.
Peach blossoms now have fled with their east wind—³⁵
beside the river, roses³⁶ fall to shreds.

Hẹn cùng ta Lũng-tây sâu ấy,
sớm đã trông nào thấy hỡi tằm.

Nhịn ngừng lá rụng cành trâm,
thôn trưa nghe rục tiếng cầm xôn-xao. 135

Hẹn nơi nao Hán-dương cầu nọ,
đêm lại tìm nào có tiêu-hao?

Nhịn ngừng gió thổi áo bào,
bãi hôm tuôn đầy nước trào mênh-mông. 140

Tin thường lại người không thấy lại,
hoa dương tàn đã rải rêu xanh.

Rêu xanh mấy lớp nhiều quanh,
sân đi một bước trăm tình ngần-ngờ.

Thử thường tới người chưa thấy tới,
bức rèm thưa lần giãi bóng dưởng. 145

Bóng dưởng mấy buổi xuyên ngang,
lỗi sao mười hẹn chín thường đốn-sai?

You told me once to meet me in Lung-hsi—³⁷
since dawn I looked for you but saw no trace.
I choked back tears as leaves fell on my hair—³⁸
at noon the village woke to birds' shrill cries.

You pledged to meet me by the Han-yang bridge—³⁹
till nightfall I awaited you in vain.
I choked back tears as winds lashed at my gown—
the evening tide was surging over shore.

I've sent you word but haven't seen you back—⁴⁰
the poplars' catkins, wilted, strew green moss.
Green moss in many patches spreads around—
I pace the courtyard, turmoil in my heart.

Your letters have come home, but you're not home—⁴¹
the sun sends tilted beams through my sparse blinds.
The sun keeps shining through day after day—
why have you failed nine pledges out of ten?

作
好
如
斯
何
難
如
此



Trưng Duyệt 182

Thử tính lại diên-khởi ngày ấy,
tiền sen nay đã nảy là ba.

150

Xót người lân-lữ ải xa,
xót người nường chốn Hoàng-hoa đậm dài.

Tình gia-thất nào ai chẳng có
Kìa lão-thân khuê-phụ nhớ thương.

155

Mẹ già phở-phất mái sường,
con thỏ mắng sữa và đang bù-chì.

Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa.
Miệng hài-nhi chờ bữa mớm cơm.

Ngọt bùi thiếp đỡ hiếu-nam,
luyện con đèn sách thiếp làm phụ-thân.

160

Này một thân nuôi già dạy trẻ,
nổi quan-hoài mang-mẻ biết bao.

Nhớ chàng trái mấy sường sao,
xuân từng đối mới đông nào còn xa.

Kể năm đã ba tứ cách-diên.

165

Rồi lòng thêm nghìn vạn ngón-ngang.

Ước chi gân-gửi tấc gang,
giở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

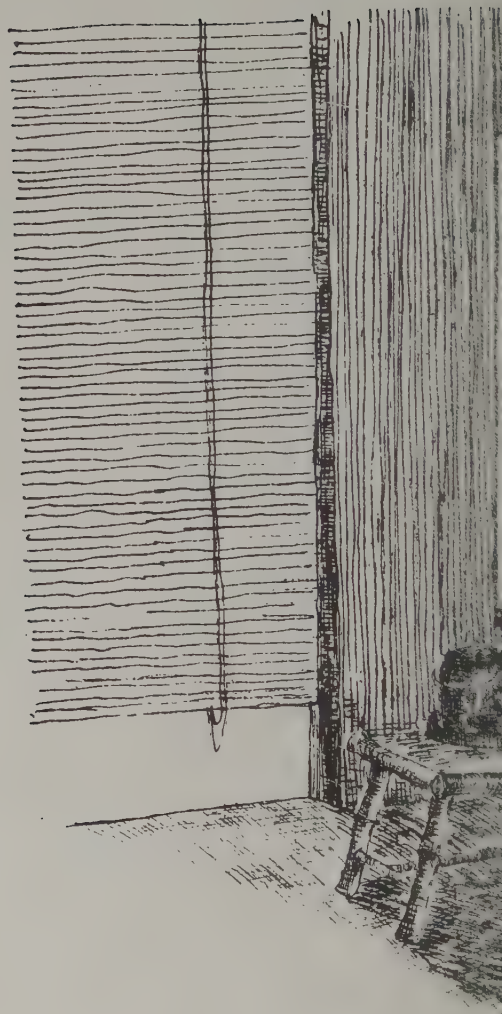
Let's reckon—ever since you went away
the lotus leaves like coins have thrice peeped forth.
Pity those who must man such distant posts,
with shelter far from home, near Mount Huang-hua.⁴²

Who has no kin or family to love?
All long and miss old parents or young wives.
Your mother's hair is covered now with frost—
your child who's still at suck needs tender care.

The mother waits heart-weary at the door.
The child in hunger cries for its chewed rice.
I feed your mother, serving as her son,
and like a father teach your child to read.

Alone, I feed the old and teach the young—
I bear all burdens, yearning for my man.
I long for you while stars will whirl away⁴³
as spring's passed by and winter's drawing near.

Let's count those years of parting—three or four.
My heart has grown a thousand more snarled threads.
If only I could nestle by your side,
revealing all the bitterness I've felt!







DAY
LOU
HEN
SACH
THEP
LAM
PHU
THAN



Thoa cung Hán của ngày xuất-giá,
gưởng lâu Tần đầu đã soi chung.

170

Cây ai mà gửi tới cùng
ngổ chàng thâu hết tấm lòng tưởng-tử?

Nhân đeo tay mọi khi ngắm-nghĩa,
ngọc cài đầu thuở bé buồn chơi.

Cây ai mà gửi tới nơi
để chàng trân-trọng đầu người tưởng-thân?

175

Trải mấy xuân tin đi tin lại,
tối xuân này tin hãy vắng không.

Thấy nhàn luống tưởng thử phong,
nghe sưởng luống sấm áo bông sấn-sàng.

180

Gió may nổi không đường hồng-tiện.
Xót cõi ngoài tuyết quện mưa sa.

Màn mưa trướng tuyết xông-pha,
nghĩ thêm lạnh-lẻo kẻ ra cõi ngoài.

Đề chữ gấm phong thôi thì mở.
Gieo quẻ tiền tin dở còn ngờ.

185

Trời hôm đứng mái ngăn-ngờ,
trăng khuya nường gối bỏ-phờ tóc mai.

Há như ai hôn say bóng lẫn?

Bóng thỏ-thỏ thần-thần hử-không.

190

Trâm cài xiêm giắt thẹn-thùng,
lệch làn tóc rối lỏng vòng lưng eo.

This hairpin from the Han,⁴⁴ your wedding gift,
and that Ch'in mirror⁴⁵ jointly we looked in—
by whom could I transmit both there to you
and let you know how much I'm missing you?

The ring my finger wears I've so admired,
the emerald comb I toyed with as a child—
by whom could I dispatch both there to you
as tender keepsakes from the one you love?

For many springs news traveled back and forth—
this spring's still bare of any sign from you.
In vain I've hoped for letters seeing wild geese—⁴⁶
in vain I've made a quilt⁴⁷ at the first frost.

The wester thwarts the path of geese in flight.
Alas, out there you're drenched by snow and rain.
You live with rain as curtain, with snow as tent—
I think of you and feel your cold out there.

My message on brocade I seal, unseal.⁴⁸
I toss the coins⁴⁹ and dread what they portend.⁵⁰
At dusk I stand beneath the eaves, forlorn—
the midnight moon lights pillowed hair unkempt.

Have I a soul gone crazy, addled wits?
Bedazed, I drift and wander in a void.
With shame I set my hairpin, don my skirt—
my raveled hair's awry, my waistband's loose.





Dạo hiên vắng đâm chiều tưng bước.

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thuốc chẳng mäch tin, 195
trong rèm lòng đã có đèn biết chẳng.

Đèn có biết dướng bằng chẳng biết,

lòng thiếp riêng bi-thiết mà thôi.

Buồn-muôn nói chẳng nên lời,
hoa đèn kia với bóng người khá thương. 200

In staggering steps I pace a lonesome porch.
I often raise and drop a diaphanous shade.
Outside the shade no magpie brings glad news—⁵¹
inside, perhaps, the lamp knows how I feel.

The lamp may know, but nothing can it do—⁵²
my heart must bear its anguish all alone.
Its sorrow finds no utterance in words—
pity the shadow by the lamp's bright flame.

Gà eo-óc gáy sưởng năm trống.
Hòe phất-phở rủ bóng bốn bên.
Khắc chớ đặng-đặng như niên,
mối sầu dặng-dặc bằng miền bể xa.

Hưởng gượng đốt hồn đà mê-mải,
Gường gượng soi giọt lại chứa-chan.
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
đây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.

205

Lòng này gửi gió đông có tiện,
nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
Non Yên rầu chẳng tới miền,
nhớ chàng thăm-thăm đường lên bằng trời.

210

Trời thăm-thăm xa với khôn thấu,
nỗi nhớ chàng đau-đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết-tha lòng,
hình cây sưởng đượm tiếng trùng mưa phun.

215

Sưởng như búa đeo mòn gốc liễu.
Mưa dường cửa xẻ héo cành ngô.
Chim cao cánh mất sa mù.
Sâu tưởng kêu vắng chuông chùa nện khởi.

220

Cocks crow the night's fifth watch as dewdrops fall.⁵³
Sophoras flutter tossing shadows down.
An hour of waiting drags on and seems a year—
my grief lies deep and sullen like the sea.

Incense I burn—my soul, enraptured, roams.
The mirror I look in—my tears stream forth.
I try to pluck the lute,⁵⁴ but I so dread
to break its strings⁵⁵ or disarray its frets.⁵⁶

If with the easter I could send this heart,
I'd pay pure gold⁵⁷ and send it to Mount Yen.⁵⁸
It grieves me that Mount Yen cannot be reached—
in thought I search for you through vast, vast skies.

The sky's too vast to search from end to end—
my sorrowed yearn for you will never cease.
As nature mourns, a human heart knows grief—
hoarfrost soaks trees, rain mutes grasshoppers' cries.

Frost hammers willows wearing them away.
Rain saws plane trees destroying withered boughs.
On high birds chill their wings amidst dense mists.
Insects on walls lament—far off bells toll.

1902
1903
1904
1905
1906
1907
1908
1909
1910



Trần Văn
'82

Và tiếng đế nguyệt rây trước ốc.

Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.

Lá màn lay ngọn gió xuyên.

Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

Hoa giai nguyệt nguyệt êm một tấm, 225
nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng-trùng,
trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

Đâu xiết kể muôn sâu nghìn nẻo?

Tử nữ-công phụ-xảo đều nguôi. 230

Biếng cầm kim biếng đưa thoi,
oanh đôi thẹn dệt bướm đôi ngại thua.

Mặt biếng tô miệng càng biếng nói,
sớm lại chiều dối-dối nường song.

Nường song luống ngẩn-ngờ lòng. 235
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?

Biếng trang-diêm lòng người sâu tủi.

Xót nỗi chàng ngoài cõi chẳng-vắng.

Khác gì ả Chức chị Hằng,
bến Ngân sùi-sụt cung trăng chốc-mòng. 240

Sầu ôm nặng ai chồng làm gỏi?

Muộn chứa đầy ai thối làm cơm?

Rượu cùng hoa rắp tá-đam,
sầu làm rượu nhạt muộn làm hoa ôi.

A cricket's chirps with moonbeams strew the yard.⁵⁹
Outside the porch winds blast at plantain leaves.
A sudden gust bursts through—the curtain stirs.
The moon casts shades of flowers upon the blind.

Flowers bask in floods of moonlight smooth as silk—
the moon enfolds each flower, sets it aglow.
A play of moon and flower, of flower and moon—
watching the moon, the flower, I hurt within.

How can I tell them all, the pains I feel?
A woman's skills I have neglected since.
I've shunned the sewing needle, spurned the loom—
I've stopped embroidering orioles in pairs.⁶⁰

I loathe to paint my face, I hate to talk,
leaning against the window morn and eve.
Against the window, brooding, I just lean.
You're gone—whom would my rouge and powder charm?

I groom myself no more—grief fills my heart.
I grieve for you who're rambling far from home.
I'm like Ch'ang-o⁶¹ who pines there in the moon,
the Weaving Maid⁶² who sobs by Heaven's Stream.

Who'll make a pillow heaping grief on grief?
Who'll have a dinner cooking gloom and gloom?
I would allay my pain with flowers and wine,
but sorrow stales the wine and wilts the flowers.



Trưng Dục 18



Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng.

245

Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.

Xót người hành-dịch mấy nay,
dặm xa thêm mỗi túi đầy lại với.

Ca duyên ghẹo làm rơi nước mắt.

Trống tiêu khua như rút buồng gan.

250

Võ-vàng đối khác dung-nhan.

Khuê-ly mới biết tân-toan đường này.

I clap jade castanets—they give no sound.
I hug the zither—frets fall off my hand.
I grieve for you whom duty sent away
to tread long trails with hunger in your bag.

The mocking cuckoo's song makes me shed tears.
The watchman's drumbeats tug at my heart's strings.⁶³
My lovely looks have changed, turned drawn and pale.
How bitter parting is! I know the taste.

Ném chua-cay tấ³m lòng mớ³i tở.

Chua-cay này há có vì ai?

Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi.

255

Vì chàng thân thiếp lẻ-loi một bề.

Thân thiếp chắ³ng gần kê dưới trườ³ng,

lệ thiếp nào chút vưỡ³ng bên khắ³n.

Bui còn hôn mặ³ng đượ³c gần,

đêm đêm thườ³ng tới giang-tân tìm ngườ³i.

260

Tìm chàng thuở Dươ³ng-đài lổ³i cũ.

Gặ³p chàng nơi Tưở³ng-phố bến xư³a.

Sum-vây mấ³y lúc tì³nh-cờ,

chắ³ng qua trên gố³i một giở³ mặ³ng xuâ³n.

Thiếp giậ³n thân lại chắ³ng bắ³ng mặ³ng,

265

đượ³c gần chàng bến Lũ³ng thành Quan.

Khi mở nhữ³ng tiế³c khi tàn,

tì³nh trong giấ³c mặ³ng muôn-vàn cũ³ng khô³ng.

Bui có mặ³t tấ³m lòng chắ³ng dứ³t,

vố³n theo chàng giở³ khắ³c nào nguồ³i.

270

Lòng theo song chử³a thấ³y ngườ³i,

lê³n cao mấ³y lúc trồ³ng vớ³i bắ³nh xe.

I taste of bitterness and know my heart.
Who's given it to me, this bitter taste?
Because of you tears flow in two long streams.
Because of you I shiver all alone.

I'm not to join you there inside your tent—
my tears are not to wet your battle cap.
I can come near you only in a dream—
at night I prowl all riverbanks for you.

I look for you on the road to Yang Tower.⁶⁴
I find you at the harbor of the Hsiang.⁶⁵
When happy chance brings us together us,
we share an hour of love, a spring's night dream.

I curse my lot unequal to my dream,
each time I meet you there in Lung⁶⁶ or Han.⁶⁷
How I regret each dream on waking up!
All love amounts to nothing, in a dream.

Still, my true heart can't be torn off from you—
it ever follows you, each day, each hour.
It follows you, yet nowhere are you seen
when on a height I peer for your cart's wheels.

Trông bến nam vậy che mặt nước.

Cổ biếc um dàu mướt màu xanh.

Nhà thôn gió bụi chông-chênh.

275

Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

Trông đường bắc đòi chòm quán khách.

Mây rà cây chận ngát núi non.

Lúa thành thoi-thót bên chon.

Mưa phun ngọn địch véo-von bên lâu.

280

Non đông thấy lá hầu chắt đông.

Trĩ sập-sòe mai cũng bể-bai.

Khởi mù nghi-ngút ngàn khởi,

con chim bat gió lạc-loài kêu thưởng.

Sông tây thấy nước dưỡng uốn khúc.

285

Nhạn liệng không sóng giục thuyền câu.

Gốc tùng chen-chúc khóm lau,

cách duênh thấp-thoáng người đầu đi về.

Trông tứ bề chân trời mặt đất,

lên xuống lâu thắm-thoát đòi phen.

290

Lớp mây ngưng mắt luống nhìn,

biết đâu chinh-chiến là miền Ngọc-môn.

Southward I look, but duckweed hides the stream.
Grass jasper blue, mulberry leaves bright green.
Some village huts that totter with the wind.
Below the twilit cliff, a flock of storks.

Northward I look—some groups of travelers' inns.
Clouds, flush with trees, block out the soaring hills.
Wild rice grows scattered at the rampart's foot.
Rain sprinkles—in a chamber sighs a flute.

On eastern hills I see but leaves and leaves.
A pheasant flaps its wings, plum branches dance.
Thick mists like billows surge above the woods—
a wind-blown bird, astray, cries piteous cries.

Westward the river turns and twists its course.
Geese sail on high, waves steer an angler's boat.
Reed swamps lie snugly tucked among pine trees—
across the stream, some man is going home.

I look around exploring earth and sky—
I often go upstairs, come down again.
Cloud rises after cloud to stop my gaze—
where is Jade Pass,⁶⁸ the field of men at war?

Gậy rút đất ỷ khôn học chước,
khăn gieo cầu nào được thể tiên.

Lòng này hóa đá cũng nên,
e không giọt ngọc mà lên trông lâu.

295

Lúc ngảnh lại ngắm màu dướng-liều,
thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.

Chẳng hay muôn dặm ruổi-giong,
lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng?

300

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.

Hưởng dướng lòng thiếp dướng hoa,
lòng chàng lẩn-thần e tà bóng dướng.

Bóng dướng để hoa vàng chẳng đoái.

305

Hoa để vàng bởi tại bóng dướng.

Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

Chồi lan nọ trước sân đã hái,

ngọn tần kia bên bãi đưa hương.

310

Sửa xiêm dạo bước tiên-đường,
ngửa trông xem vẻ thiên-chường thần-thờ.

How could I get that wand and shrink the earth,⁶⁹
or find that magic scarf and bridge far shores?⁷⁰
I'd turn to stone, but then I'd have no tears
to weep for you, awaiting you upstairs.

When I gaze back at willows, how I wish
I'd counseled you to spurn a noble's rank.⁷¹
I wonder, while you're traveling your long road,
does it, your heart, feels what my own heart feels?

If only it would feel that way, your heart!
Then I'd not let my mind pursue wild thoughts.
My heart turns toward the sun just like that flower—
as roams your heart, I dread the sun will set.

The sun has spurned its flower, let it wilt.
The flower's wilted as the sun won't shine.
Wilted, it drops its petals by the wall—
I've often watched them drop on nights of dew.

The garden's orchids all have been plucked off—
now duckweed near the bank is breathing scent.
Clad in my robe, I stroll before the house,
my languid gaze on heaven's glorious vault.

Bóng Ngân-hán khi mở khi tở.

Độ Khuê-triên buổi có buổi không.

Thức mây đòi lúc nhạt nồng.

315

đuôi sao Bắc-đẩu thôi đông lại đoài.

Một năm một nhạt mùi son phấn,

trượng-phu còn thở-thần miên khởi.

Xưa sao hình ảnh chẳng rời,

bây giờ nở để cách với Sầm Thưởng.

320

Chàng giống ngựa dậm trường mây phủ,

thiếp rảo hài lâu cũ rêu in.

Gió xuân ngày một vắng tin,

khá thương lở hết mấy phen lưỡng-thì.

Sầy nhớ khi cảnh Diêu đóa Ngụy

325

trước gió xuân vàng tía sánh nhau.

Nọ thì ả Chức chàng Ngâu

tối trăng thu lại bắc cầu qua sông.

Thiệt một kẻ phòng không luống giữ,

thời-tiết lành lành-lỡ đòi nau.

330

Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,

người đời thâm-thoát qua màu xuân xanh.

Xuân thu để giận quanh ở dạ,

hợp ly đành buồn quá khi vui.

Oán sầu nhều rồi tới-bồi,

335

vóc bồ liễu để ép nài chiều xuân.

The Silver River⁷² gleams and dims by fits.
The Strider⁷³ will appear and disappear.
The clouds now glow all bright, now turn all pale.
The Dipper's handle shifts from east to west.⁷⁴

My looks and charms keep fading year by year,
and still my man keeps wandering far away.
We were a body and its shadow once—
now we stand worlds apart like Shen and Shang.⁷⁵

You're galloping your horse on cloud-wrapped trails—
I'm shuffling slippers through moss-covered paths.
Day after day the spring wind's brought no news—
how many balmy seasons we have missed!

They come to mind, those flowers of Yao and Wei,⁷⁶
wedding their gold and crimson on spring winds.
And lo the Herdboy and his Weaving Maid
who cross the Stream beneath the autumn moon.⁷⁷

I grieve the wife inside an empty room
who lets her finest seasons go to waste.
The days and months like shuttles hurtle by,
and youth is springtide fleeing in a flash.

In spring I brood, in fall I seethe with rage—
I've known more parting sorrow than shared joy.
Anger and grief entangle all their threads—
how can a rush, a willow stop spring's flight?⁷⁸

Kìa Văn Quân mỹ-miêu thuở trước,
e đến khi đầu bạc mà thương.

Mặt hoa nọ gã Phan-lang,
lệ khi mái tóc pha sương cũng ngừng. 340

Ngừng nhan-sắc đang chùng hoa nở,
tiếc quang-âm lần-lữa gieo qua.

Ngừng mệnh bạc tiếc niên hoa,
gái tỏ mấy chốc sẩy ra nà rông.

Gác nguyệt nọ mơ-mòng về mặt. 345

Lầu hoa kia phảng-phất hời hương.

Trách Trời sao để lỡ-làng,
thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.

There was Wen-chün,⁷⁹ a beauty in the past:
afraid that age would gray her head, she grieved.
And there was P'an⁸⁰ whose face shone like a flower:
as he feared frost would mar his hair, he wept.

I weep my looks, a flower in its full bloom,
and mourn fleet time which slides and slips away.
I weep a thankless fate, mourn blossom years—
a fresh young maiden turns a matron soon.

Upon this moonlit tower I dream your face.
Inside that flower-decked room scent wafts about.
On Heaven I must blame our life gone wrong—
I grieve and grieve for you, for my own self.

Chàng chẳng thấy chim yến ở nội?
Cũng đập-diều chẳng vội phân-trưởng. 350
Chẳng xem chim yến trên ruộng?
Bạc đầu không nở đôi đường ghẽ nhau.

Kìa loài cùng đôi đầu cùng sánh.
Nọ loài kiêm chấp cánh cùng bay.
Liều sen là thức cỏ cây, 355
đôi hoa cùng dính đôi dây cùng liền.

Ấy loài vật tình-duyên còn thế,
sao kiếp người nở để đày đày?
Thiếp xin muôn kiếp sau này
như chim liền cánh như cây liền cành. 360

Đành muôn kiếp chữ tình thì vậy,
theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ-trung.

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy. 365
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nường vắng nhật thiếp nguyên,
mọi bề trung-hiếu thiếp xin vẹn-tròn.

Haven't you seen those mandarin ducks afield?⁸¹
They go in pairs as mates and won't soon split.
Haven't you watch those swallows on a roof?⁸²
United, they can't part till hoary age.

Two *ch'iung-ch'iung* beasts stay close, head touching
Two *chien-chien* birds fly jointly, wing to wing.⁸⁴ head.⁸³
The willow and the lotus are mere plants,
yet each boasts wedded leaves and coupled flowers.

That's how in nature ties of love will bind—
why keep two humans severed, here and there?
May we in future lives become two birds
that join their wings, two trees that twine
their boughs.⁸⁵

No doubt, a thousand lifetimes love shall last,
but life together here and now is best.⁸⁶
To silver may age never turn your hair!
And may I ever keep the looks of youth!

Oh, let me be your shadow, follow you!
Where you're to go you'll find me by your side.
I wish you will remain out in the sun
as you perform all duties of a man.⁸⁷

此
時
正
是
天
下
大
亂
之
時
也



Lòng hũa-quốc thăm son ngắt-ngắt.

Sức tỵ-dân cứng sắt tri-tri.

370

Mẫu Thiên-vu quắc Nhục-chi,

ây thì bữa uống ây thì bữa ăn.

Mũi đồng vác đòi lần hăm-hở,

đả lòng Trời gìn-giữ người trung.

Hộ chàng trăm trận nên công,

375

buông tên ải bắc treo cung non đoài.

Bóng cỏ-xí giã ngoài quan-ải,

tiếng khải-ca trở lại Thần-kinh.

Non Yên thở đá đề danh.

Triều thiên vào trước cung-đình dâng công.

380

Nước duênh Hán vác đồng rửa sạch.

Khúc nhạc-tử réo-rất khong-khen.

Tài so Tần Hoắc vẹn-tuyên,

tên ghi gác Khố tượng truyền đài Lân.

Nền huân-tướng đại cân giai vẻ,

385

chủ đồng-hữu bia đề nghìn đông.

Ở trên tử ẩm thể phong,

phần vinh thiếp cũng đượm chung hưởng Trời.

Thiếp chẳng đại như người Tô-phụ,

chàng hãn khôn như lữ Lạc-dương.

390

Khi về đeo quả ấn vàng,

trên khung cửi dăm rẽ-ràng làm cao.

Serve well your country with a true-red heart.
Defend your people with an iron will.
The Chun-yü's⁸⁸ blood and Jou-chih⁸⁹ heads will sate
your thirst and hunger as your drink and meat.

Time after time you rush at swords and spears,
but Heaven will protect a loyal man.
You'll win all battles, and from our north pass
to our west hills all arms will be laid down.⁹⁰

Banners and flags will leave the border posts—
bound for the Capital, men will sing of triumph.
Mount Yen will bear your name in stone-writ odes.⁹¹
Your trophies you will offer to the throne.

You'll wash your weapons in the Silver Stream.⁹²
They will make music and intone your praise.
In merit you'll compare with Ch'in⁹³ and Huo—⁹⁴
your fame will grace Mist Tower,⁹⁵ Unicorn Hall.⁹⁶

A state grandee, you'll shine in sash and cap—
on monuments public joy will be engraved.
Your son will share in bounty from above—
with you your wife will bask in Heaven's grace.

I'm not a foolish woman like Su's wife,⁹⁷
and you're as clever as those Lo-yang men.⁹⁸
When you come home and bear that seal of gold,
will I stay at the loom and show disdain?





xin vì chàng thay bào cỡi giáp,
xin vì chàng giữ lớp phong sương.

Vì chàng tay chuốc chén vàng, 395
vì chàng điểm phấn đeo hường nảo-nùng.

Giở khăn lệ chàng trông từng tấm.
Đọc thơ sầu chàng thẩm từng câu.

Câu vui đối với câu sầu,
rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời. 400

Sẽ rót với lân-lân đòi chén,
sẽ ca dần ren-rén đòi thiên.

Liên-ngâm đối-âm từng phen,
cùng chàng lại kết mối duyên tận già.

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ, 405
giữ-gìn nhau vui thuở thanh-ninh.

Ngâm-ngà mong gửi chữ tình,
đường này âu hãn tài lành trượng-phu.

I'll take off you the soldier's coat of mail.
I'll shake off you the wanderer's dust and dew.⁹⁹
For you I'll fill a golden cup with wine,
for you I'll wear enchanting scent and powder.

You'll view my tear-stained kerchiefs one by one.
You'll read my song of grief line after line.
We'll substitute gay lines for doleful lines—
while sipping wine, we'll tell each other all.

We'll slowly fill and drain cup after cup,
we'll softly sing one stanza, then the next.
We'll hum linked verse and face to face we'll drink,
staying together till a ripe old age.

This parting grief—we'll make up for it all:
we'll have and hold each other, blessing peace.
I sing and with my love send you this wish:
thus may you act and live, a man of parts!





NOTES

- ¹ a woman] "a person with rosy cheeks" (*khách má hồng*).
- ² Ch'ang-an] the main city in Shensi and capital of the Chinese empire under several dynasties, the T'ang in particular; now known as Sian.
- ³ Mount Kan-ch'üan] a mountain in Shensi, about two hundred miles northwest of Ch'ang-an, halfway between the ancient capital and the Great Wall. Beacon fires were lit there and smoke signals sent up to warn the capital of impending attacks by barbarians.
- ⁴ the Emperor] "(he who sits at the top of) nine steps" (*chín lần*).
- ⁵ heralds] "Heaven's envoys" (*sứ Trời*).
- ⁶ your brush and ink] "the writing brush (and) ink-slab" (*bút nghiên*).
- ⁷ tools of war] "the broad sword (and) the bow (*đao cung*).
- ⁸ citadels for the throne] "walled cities in a row" (*thành liên*) for "the dragon dais" (*bệ rồng*).
- ⁹ foe of Heaven's sway] "rebel against Heaven" (*giặc Trời*).
- ¹⁰ A man will win a horseskin for his shroud] "A man's purpose (is to go fighting) thousands of miles (away, die and be buried in) a horse-skin." The following lines have been attributed to the Chinese general Ma Yüan (Mã Viện. 14 BC-AD 49): "A valiant man gets a horseskin for his shroud./ Why settle for a death in the arms of one's wife and children?"
- ¹¹ his life he'll drop in battle like goose down]

"(he'll) drop Mount T'ai as lightly as goose down." Mount T'ai (Thái-sơn), in Shantung, was one of the five sacred mountains of China. Ssu-ma Ch'ien (Tư Mã Thiên): "Of course, a man must die, but sometimes he thinks it as heavy as Mount T'ai, and sometimes he makes light of it as if it were goose down." Li Po (Lý Bạch): "There are in Yen-nan heroes from the Wu family who will drop Mount T'ai as easily as if it were goose down."

- 12 the Wei] a river flowing through Shensi—it was crossed by Chinese troops on their expeditions against barbarians.
- 13 oh, to be/ your horse on land, your vessel on the stream!] "on land (I am) not the equal of (your) horse, on water (I am) not the equal of (your) boat."
- 14 the Thousand Peaks] Ch'ien-shan (Thiên-sơn), a mountain in Manchuria, near the Korean border.
- 15 the Lung-ch'üan sword] a magic sword of Chinese antiquity, the East Asian equivalent of Excalibur.
- 16 those wild beasts] "panthers" (*beo*).
- 17 You'll tread in Chieh-tzu's steps and seize Lou-lan.] "Hunting down Lou-lan('s ruler), (you) say (you'll) follow (the example of) Chieh-tzu." Fu Chieh-tzu (Phó Giốc Tử, first century BC), a famous general under Emperor Chao-ti (Chiêu Đế) of the Han dynasty, volunteered to go and punish the ruler of Lou-lan who had ordered some Chinese envoys killed. He came back to announce he had captured that monarch, and when asked for some proof he produced the ruler's head.
- 18 You'll reach Man-hsi, discussing old Fu-po.]
"(You'll) reach Man-hsi (and) discuss matters

(about) the Tamer of Waves." Man-hsi (the "Wild Mountain Streams") once referred to the area south of China and peopled by tribes like the Vietnamese still resisting Chinese control. Ma Yüan (Mã Viện) led an army into North Vietnam in AD 43 and put down an attempt by the two Trưng sisters to throw off Chinese rule. For his military services, he was given the title "Fu-po Chiang-chun" (Phục-Ba Tướng-Quân) or "The General who Tames Waves".

- 19 Willow Camp] Hsi-lo (Tê-liêu), in Shensi, used to be the headquarters of General Chou Ya-fu (Châu Á Phụ) when the Han commander led expeditions against the Hsiung-nu.
- 20 Poplar Field] Ch'ang-yang, in Shensi, was located south of Ch'ang-an—there the Ch'in had built a palace amidst a field of poplars.
- 21 mourn our home] "feel dizzy with anguish about the plight of (our) home."
- 22 our bed] "the sleeping mat and blanket" (*chiếu chăn*).
- 23 Han-yang] Located in Shensi, it was the capital under the Ch'in dynasty, about five miles north of Ch'ang-an, on the left bank of the Wei.
- 24 Hsiao-hsiang] the place in Hunan where the Hsiao and Hsiang rivers meet.
- 25 Pai-têng] Bạch-đăng (in Sino-Vietnamese). It was a fortress in Shansi where Emperor Han Kao-tsu (Hán Cao-Tổ) was besieged for seven days by Tartars in 200 BC.
- 26 Tomorrow Huns will watch from the Blue Sea.] "Tomorrow the Hu will enter the Blue Sea and peer over." The Blue Sea (Ch'ing-hai) is the Kokonor.
- 27 Inside brocaded curtains] "Up (there inside)

- brocaded curtains". This is an allusion to a royal or imperial bedchamber.
- ²⁸ the Vast Desert] "the Vast Sea" (Chin.: Han-hai), i.e., the Gobi.
- ²⁹ the Lonesome Pass] Hsiao-kuan, in Kansu.
- ³⁰ Mount Ch'i] Mount Ch'i-lien (Kỳ-liên) in Kansu. Here the Han general Huo Chu-ping (Hoắc Khứ Bình) won a great victory over the Tartars in 121 BC.
- ³¹ the Fei] a river that flows through Anhwei. On the bank of the Fei, Fu Chien (Phù Kiên), a Ch'in lord who led an expedition against the Eastern Tsin, suffered a crushing defeat in AD 384.
- ³² Pan Ch'ao] Ban Siêu (in Sino-Vietnamese), AD 31-101. He spent thirty-one years in Central Asia fighting against various tribes and returned to China only to die soon afterwards.
- ³³ you're there at heaven's edge] "you're out (there) at the foot of clouds".
- ³⁴ rich playboys wandering far] "grandsons of princes" (*lũ vương-tôn*).
- ³⁵ Peach blossoms now have fled with their east wind] The T'ang poet Ts'ui Hu (Thôi Hộ) wrote a quatrain entitled "Inscribed at a place visited once before": "A year ago, within this gate,/ her face and peach blossoms both blushed, alike./ I do not know where to look for her face./ Peach blossoms, though, still smile at their east wind." The east wind blows in spring and therefore favors love.
- ³⁶ roses] "hibiscus flowers" (*phù-dung*).
- ³⁷ Lung-hsi] a district in Kansu.
- ³⁸ my hair] "(my) hairpin" (*trâm*).
- ³⁹ Han-yang] a city in Hupei, on the left bank of the Yangtze.

- ⁴⁰ I've sent you word but haven't seen you back]
 "News (from me) have often gone (to you, but I)
 haven't seen the man come back."
- ⁴¹ Your letters have come home, but you're not home]
 "Letters have often arrived, (but I) haven't
 yet seen the man arrive."
- ⁴² Mount Huang-hua] a mountain in Shansi, the site
 of a famous T'ang victory over barbarian in-
 vaders.
- ⁴³ I long for you while stars will whirl away] "I
 long for you (as I) pass through so many (sea-
 sons) of dew(fall and shifts of) stars."
- ⁴⁴ this hairpin from the Han] "a hairpin from the
 Han palace" (*thoa cung Hán*). According to
 legend, Emperor Han Wu-ti (Hán Vũ-Đế, 140-
 87 BC) met in a dream a goddess who gave him
 a little box containing a hairpin of precious
 stone. Later, under Emperor Han Chao-ti (Hán
 Chiêu-Đế, 86-73 BC), a palace lady happened
 to open the box: off flew a swallow to vanish
 in space.
- ⁴⁵ that Ch'in mirror] "a mirror from the Ch'in hall"
 (*gương lầu Tần*). According to tradition, Em-
 peror Ch'in Shih-huang-ti (Tần Thủy Hoàng Đế,
 246-210 BC) owned a magic mirror that could
 reflect the inside of a person's body and soul.
- ⁴⁶ I've hoped for letters seeing wild geese] Under
 the Han dynasty, Su Wu (Tô Vũ) was a Chinese
 envoy held prisoner by the Hsiung-nu. After
 some twenty years, as relations improved be-
 tween the barbarians and the Court of China,
 Emperor Chao-ti (Chiêu-Đế) asked for Su's re-
 lease. The khan claimed that the captive had
 died. As a ruse to expose the khan's lie, a
 new envoy told him that the emperor had shot
 a wild goose carrying a message written by

- Su himself and tied to its leg. The fictitious story so astonished the khan that he let Su go. This true incident has given rise in literature to the metaphor of the wild goose as a carrier of news and messages.
- ⁴⁷ a quilt] "a jacket (padded with) cotton (*áo bông*).
- ⁴⁸ My message on brocade I seal, unseal.] Su Hui (*Tô Huệ*) embroidered a poem on brocade and sent it to her husband, Tou T'ao (*Đậu Thao*), who had been fighting against barbarians for many years in the Gobi desert. The sovereign, moved by her love for her man, allowed him to come home.
- ⁴⁹ I toss the coins] This is a method of divination: to toss two coins and tell fortunes by head or tail.
- ⁵⁰ and dread what they portend.] "(I) still disbelieve the bad news."
- ⁵¹ no magpie brings glad news.] According to folk belief, the cry of a magpie (*thước* or *chim khách*, "the guest bird") portends good news or announces an important visitor.
- ⁵² The lamp may know, but nothing can it do] "(Even if) the lamp does know, that's as good as if it didn't know at all."
- ⁵³ Cocks crow the night's fifth watch as dewdrops fall.] "Cocks crow shrilly (hailing) dew (as resound) five (beats) of the drum."
- ⁵⁴ the lute] "the *sê* (or) the *ch'in*". The *sê* (or *sắt* in Sino-Vietnamese) is a zither with 25 or 50 strings, and the *ch'in* (or *cầm* in Sino-Vietnamese) one with five or seven strings.
- ⁵⁵ its strings] "(its) mandarin duck strings (*dây uyên*), i.e., strings that are attuned.

- Cf. note 81 about "mandarin ducks" as a symbol of harmony between lovers or spouses.
- ⁵⁶ its frets]. "(its) frets (glued with the blood of) a female phoenix" (*phím loan*). According to Taoist belief, phoenix glue (*loan-giao* or *keo loan*) is a magic adhesive prepared from the blood of a female phoenix (*loan*) and can be used to mend even snapped bowstrings. In literature, it is a metaphor for the strong bond between a man and a woman.
- ⁵⁷ pure gold] "a thousand (pieces of) gold" (*ngìn vãng*).
- ⁵⁸ Mount Yen] Mount Yen-jan (*Yên-nhiên*) in Outer Mongolia.
- ⁵⁹ A cricket's chirps with moonbeams strew the yard.] "A few cricket cries (and) moon(light) sprinkle before the house."
- ⁶⁰ I've stopped embroidering orioles in pairs.] "(I feel too) ashamed to weave orioles in pairs, (I am) reluctant to embroider butterflies in pairs."
- ⁶¹ Ch'ang-o] *Hằng Nga* (in Sino-Vietnamese). According to Chinese mythology, she stole the elixir of life from her husband and fled to the moon where she has reigned as its celibate goddess ever since.
- ⁶² the Weaving Maid] According to Chinese mythology, once a year, on the seventh night of the seventh moon, the Weaving Maid is allowed to meet her man, the Herdboy, on a bridge of magpies across the Silver Stream or Heaven's Stream (the Milky Way). They once lived together but, wrapped up in each other, they neglected their respective duties in heaven and were separated as a form of punishment.
- ⁶³ my heart's strings] "the liver" (*buồng gan*) as

a seat of emotions and feelings.

- ⁶⁴ Yang Tower] It was the mountain where, according to Chinese tradition, King Ch'u Hsiang-yang (Sở Tửng Dương) met the goddess of love in his erotic dreams.
- ⁶⁵ the Hsiang] The Hsiang (Trường) river symbolizes lovelorn grief because, according to tradition, it was on its bank that the two sisters O-huang (Ngà Hoàng) and Nũ-ying (Nữ Anh) wasted away mourning their common husband, the sage-king Shun (Thuần).
- ⁶⁶ Lung] Lung-hsi, a district in Kansu.
- ⁶⁷ Han] Han-ku (Hàm-cốc), a mountain pass in Honan.
- ⁶⁸ Jade Pass] Yu-men-kuan (Ngọc-môn-quan), in Kansu, commanded the road to Central Asia.
- ⁶⁹ get that wand and shrink the earth] This is an allusion to the bamboo walking staff with which Fei Ch'ang-fang (Phí Trưởng Phòng) could travel a long distance in a few moments.
- ⁷⁰ find that magic scarf and bridge far shores] A man named Ts'ui (Thôi) married a fairy who had a magic scarf: it could serve as a bridge in an emergency.
- ⁷¹ When I gaze back at willows, how I wish/ I'd counseled you to spurn a noble's rank.] This is an echo of a quatrain by the T'ang poet Wang Ch'ang-ling (Vương Xương Linh, 698-755?), "A young wife's lament": "The young woman has never once known grief./ Face rouged and powdered, she climbs up the tower./ She sees spring willows in their green and sobs—/ to gain a title, she sent her man to war."
- ⁷² the Silver River] the Milky Way.
- ⁷³ the Strider] the K'uei constellation, which as a symbol stands for manly ambition.
- ⁷⁴ The Dipper's handle shifts from east to west.]

"The tail of the North Star leaves to east and comes to the west."

⁷⁵ now we stand worlds apart like Shen and Shang]
Shen (*Sâm*, in Sino-Vietnamese, a constellation which includes some stars in Orion) and Shang (*Thửơng*, in Sino-Vietnamese, or Lucifer, a morning star) never see each other: they stand for lovers separated by insurmountable obstacles.

⁷⁶ those flowers of Yao and Wei] In ancient China, Yao (*Diêu*) and Wei (*Ngụy*) were two aristocratic clans who adopted the yellow and red peonies, respectively, as their heraldic emblems.

⁷⁷ the Herdboy and his Weaving Maid/ who cross the Stream beneath the autumn moon] See note 62.

⁷⁸ how can a rush, a willow stop spring's flight?]
"(is it) easy (for someone with) the build of a rush (or) a willow to force the trend of spring?" A rush (*bồ*) or a willow (*liêu*) symbolizes a woman's weakness and frailty.

⁷⁹ Wen-chün] Cho Wen-chün (Trác Văn Quân) was a young widow so beautiful that the Han writer Ssu-ma Hsiang-ju (Tứ Mã Tửơng Như, 179-117 BC) tried to woo her by playing the tune "A phoenix seeks his mate" on the zither. He succeeded in persuading her to elope with him against her rich father's wishes. Later, tired of his aging wife with faded looks, Ssu-ma wanted to take a young concubine. Cho wrote a poem entitled "White hair" which moved him enough to give up such an unfaithful course.

⁸⁰ P'an] Under the Tsin (Tấn) dynasty, P'an Yo (Phan Nhạc) was very handsome as a youth.

⁸¹ Haven't you seen those mandarin ducks afield?]
Mandarin ducks (*uyên* for the male and *ương*

for the female) usually go in mated pairs and, in literature, represent faithful, inseparable lovers or spouses.

⁸² Haven't you watched those swallows on a roof?]

"Haven't you watched swallows on a beam?"

⁸³ Two *ch'iung-ch'iung* beasts stay close, head touching head.] According to Chinese mythology, *ch'iung-ch'iung* (or *cùng-cùng* in Sino-Vietnamese) are white creatures looking like horses. The male and the female, together, can run for a hundred miles at a stretch.

⁸⁴ Two *chien-chien* birds fly jointly, wing to wing.] *Chien-chien* (or *kiêm-kiêm* in Sino-Vietnamese) are fabulous birds: each has only one wing, and two must join their wings in order to fly.

⁸⁵ May we in future lives become two birds/ that join their wings, two trees that twine their boughs.] This is an allusion to the love affair between Emperor Ming-huang (Minh Hoàng) and Lady Yang (Dương Quý-Phi) as described by Po Chü-i (Bạch Cư Dị) in "A song of everlasting sorrow" (*Trường hận ca*).

⁸⁶ but life together here and now is best.] "it's better to follow (you) in this life than to see (you) in the next."

⁸⁷ as you perform all duties of a man.] "(as you) fulfill the duties of a loyal (subject) and a filial (son)".

⁸⁸ the Chun-yü] It was the title the Court of China bestowed on a Tartar khan.

⁸⁹ Jou-chih] It was the name of a tribe that, under the Han, ruled an area between Kansu and the Kokonor.

⁹⁰ from our north pass/ to our west hills all arms will be laid down.] "(they'll) lay down ar-

rows at northern passes (and) hang up bows on western hills".

- ⁹¹ Mount Yen will bear your name in stone-writ odes.] The Chinese built stone memorials on Mount Yen-jan (Yên-nhiên) in Outer Mongolia to record their victories over the Tartars.
- ⁹² You'll wash your weapons in the Silver Stream.] This is an allusion to a line in an anti-war poem by the T'ang poet Tu Fu (Đỗ Phủ).
- ⁹³ Ch'in] Ch'in Ch'ung (Tần Quỳnh) was a famous general under the T'ang dynasty.
- ⁹⁴ Huo] Huo Chu-ping (Hoắc Khứ Bình) was a military commander under the Han. See note 30.
- ⁹⁵ Mist Tower] Emperor T'ang T'ai-tsung (Đường Thái Tông) had the portraits of twenty-four meritorious ministers and generals displayed at Mist Tower (Lăng-yên-các).
- ⁹⁶ Unicorn Hall] Emperor Han Hsüan-ti (Hán Tuyên-Đế) honored eleven heroes in the same manner at Unicorn Hall (Kỳ-lân-đài).
- ⁹⁷ I'm not a foolish woman like Su's wife] Su Ch'in (Tô Tân), still a poor, unknown scholar, was despised by his wife who would deliberately snub him, refusing to leave her loom when she saw him come home. But later he gained fame and fortune as a wandering diplomat who succeeded in forging a league of six kingdoms against the dominant state of Ch'in (Tần) during the Warring States period (403-221 BC).
- ⁹⁸ you're as clever as those Lo-yang men] Lo-yang, as the capital of China, attracted the best and the brightest. Su Ch'in himself was a native of that celebrated city.
- ⁹⁹ I'll shake off you the wanderer's dust and dew.] "For your sake (I'll) beg to shake off the layer of wind and dew."

征婦吟

鄧陳琨

一. 亂時

1. 風塵

天地風塵。

紅顏多屯。

悠悠彼蒼兮誰造因。

鼓聲動長安月、

5 烽火影照甘泉雲。

九重按劍起當席、

半夜飛檄傳將軍。

清平三百年天下、

從此戎衣屬武臣。

2. 發軍

10 使星天門催曉發。

行人重法輕離別。

弓箭兮在腰、

妻孥兮別杖。

獵獵旌旗兮出塞愁、

15 喧喧簫鼓兮辭家怨。

有怨兮分攜、

有愁兮契闊。

3. 男兒志

良人二十吳門豪。

投筆硯兮事弓刀。

30 直把連城獻明聖、

願將尺劍斬天驕。

丈夫千里志馬革、

泰山一擲輕鴻毛。

便辭閭閻從征戰、

35 西風鳴鞭出渭橋。

CHINH PHỤ NGÂM

ĐẶNG TRẦN CÔN

I. LOẠN-THỜI

1. Phong-trần

- 1 Thiên địa phong-trần,
Hồng-nhan đa truân.
Du-du bỉ thương hề ! thủy tạo nhân ?
Cổ-bề thanh động Trường-an nguyệt,
5 Phong-hỏa ảnh chiếu Cam-tuyền vân.
Cửu-trùng án kiếm, khởi đương tịch ;
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.
Thanh-bình tam bách niên thiên-hạ,
Tùng thử nhung-y thuộc vũ-thần.

2. Phát quân

- 10 Sứ-tinh Thiên-môn thôi hiểu phát,
Hành-nhan trọng pháp, khinh li-biệt.
Cung-tiến hề ! tại yêu,
Thê-noa hề ! biệt quyết.
Liệp-liệp tinh kỳ hề ! xuất tái sâu,
15 Huyền-huyền tiêu cổ hề ! từ gia oán.
Hữu oán hề ! phân huê,
Hữu sầu hề ! khế-khoát.

3. Nam-nhi chí

- Lương-nhân nhị thập, Ngô-môn hào,
Đầu bút nghiêng hề ! sự cung đao.
20 Trục bả liên thành hiển Minh-thánh,
Nguyện tương xích kiếm trảm Thiên-kiều.
Trượng-phu thiên lý, chí mã-cách.
Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao.
Tiện từ khuê-khôn tòng chinh-chiến.
25 Tây-phong minh tiên xuất Vĩ-kiều.

二.出征

1. 送別

渭橋頭，清水溝。
清水邊，青草途。
送君處，兮心悠悠。
君登途，兮妾恨不如駒。
30 君臨流，兮妾恨不如舟。
清清有流水，
不洗妾心愁。
青青有芳草，
不忘妾心憂。
35 語復語，兮執君手。
步一步，兮牽君橋。
妾心隨君似明月。
君心萬里千山箭。
擲離杯，兮舞龍泉。
40 橫征掣，兮指虎穴。
云隨介子獵樓蘭。
笑向蠻溪談馬援。
君穿壯服紅如霞。
君騎驕馬白如雪。

2. 登途

45 驕馬兮驚鈴。
征鼓兮人行。
須臾中兮對面。
頃刻裡兮分程。
程分兮河梁。
50 徘徊兮路旁。
路旁一望兮旆央央。
前車兮北細柳。
後騎兮西長楊。
騎車相擁君臨塞。
55 楊柳那知妾斷腸。
去去落梅聲漸遠。
行行征旆色何忙。
望雲去兮郎別妾。
望山歸兮妾思郎。

II. XUẤT CHINH

1. Tổng biệt

- Vị-kiêu đầu, thanh-thủy cầu ;
Thanh-thủy biên, thanh-thảo đồ.
Tống quân xứ hề ! tâm du-du.
Quân đăng đồ hề ! thiếp hận bất như cầu ;
30 Quân lâm lưu hề ! thiếp hận bất như chu.
Thanh-thanh hữu lưu-thủy,
Bất tẩy thiếp-tâm sâu.
Thanh-thanh hữu phương-thảo,
Bất vong thiếp-tâm ưu.
35 Ngũ phục ngũ hề ! chấp Quân-thủ ;
Bộ nhất bộ hề ! khiên Quân-nhu.
Thiếp-tâm tùy Quân tự minh-nguyệt ;
Quân-tâm vạn lý Thiên-sơn tiến.
Trịch li-bôi hề ! vũ Long-tuyên ;
40 Hoành chinh-sáo hề ! chỉ hổ-huyệt.
Vân tùy Giỏi-tử liệt Lâu-lan.
Tiểu hướng Man-kê đàm Mã Viện.
Quân xuyên tráng-phục hồng như hà ;
Quân kỵ kiêu -mã bạch như tuyết.

2. Đăng-đồ

- 45 Kiêu-mã hề ! loan-linh ;
Chinh -cổ hề ! nhân hành.
Tu-du trung hề ! đối diện ;
Khoảnh-khắc lý hề ! phân-trình.
Trình phân hề ! Hà-lương ;
50 Bồi-hồi hề ! lộ-bàng.
Lộ-bàng nhất vọng hề ! bá ượng-ương.
Tiền xa hề ! bắc Tể-liệu ;
Hậu-kỵ hề ! tây Trường-dương.
Kỵ xa tương ứng quân lâm tái ;
55 Dương-liệu na tri thiếp đoạn-trường.
Khứ-khứ lạc-mai thanh tiệm viễn,
Hành-hành chinh-bái sắc hà mang.
Vọng vân khứ hề ! Lang biệt thiếp ;
Vống sơn qui hề ! thiếp tư Lang.

3. 相顧

60 郎去程兮濃雨外、
妾歸處兮昨夜房。
歸去兩回顧、
雲青兮山蒼。
郎顧妾兮咸陽。
65 妾顧郎兮瀟湘。
瀟湘烟阻咸陽樹、
咸陽樹隔瀟湘江。
相顧不相見、
青青陌上桑。
70 陌上桑陌上桑。
妾意君心誰短長。

三. 悲懼

1. 悲艱苦

自從別後風沙隴。
明月知君何處宿。
古來征戰場、
75 萬里無人屋。
風熱熱兮打得人顏憔悴、
水深深兮怯得馬蹄縮。
戍夫枕鼓卧龍沙、
戰士抱鞍眠虎陸。
80 今朝漢下白登城、
明日胡窺青海曲、
青海曲、青山高復低、
青山前、青溪斷復續。
青山上、雪蒙頭、
95 青溪下水沒腹。
可憐多少鐵衣人、
思歸當此愁顏蹙。
錦帳君王知也無。
艱難誰爲畫征夫。
100 料想良人經歷處、
蕭關角瀚海隅。

3. Tương-cố

- 60 Lang khứ-trình hề ! mông vũ-ngoại ;
Thiếp qui-xứ hề ! tạc dạ phòng.
Qui khứ lưỡng hồi cố :
Vân thanh hề ! sơn thương.
Lang cố thiếp hề ! Hàm-dương,
65 Thiếp cố Lang hề ! Tiêu-tương.
Tiêu-tương yên trở Hàm-dương thụ,
Hàm-dương thụ cách Tiêu-tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh-thanh mạch thượng tang.
70 Mạch thượng tang ! mạch thượng tang !
Thiếp-ý, Quân-tâm, thùy đoản tràng ?

III. BI-CỤ

1. Bi gian-khồ

- Tự tùng biệt hậu phong sa lũng.
Minh-nguyệt tri Quân hà xứ túc.
Cổ lai chinh-chiến trường,
75 Vạn lý vô nhân ốc.
Phong ngao-ngao đả đắc nhân-nhan tiều,
Thủy thâm-thâm khiếp đắc mã-dễ súc .
Thú -phu chấm cổ ngọa long-sa,
Chiến-sĩ-bảo yên miên hổ-lục.
80 Kim-triều Hán hạ Bạch-dăng thành,
Minh-nhật Hồ khuy Thanh-hải khúc.
Thanh-hải khúc, thanh-sơn cao phục đề,
Thanh-sơn tiền, thanh-kê đoạn phục tục.
Thanh-sơn thượng, tuyết mông đầu,
85 Thanh-kê hạ, thủy một phúc.
Khả lân đa thiếu thiết-y nhân
Tư qui đương thử sâu nhan súc.
Cầm-trưởng quân-vương tri đã vô ?
Gian-nan thùy vị họa chinh-phu.
90 Liệu tướng Lương-nhân kinh-lịch xứ :
Tiêu-quan giốc, Hãn-hải ngu.

霜村兩店。
虎落蛇區。
風餐露宿。
95 雪脰冰鬚。
登高望雲色。
安得不生愁。

2 懼命天

自從別後東南墩。
東南知君戰何道。
100 古來征戰人。
性命輕如草。
鋒刃下，溫溫挾纈主恩深。
時刻中，歷歷橫戈壯士天。
祈山舊塚月茫茫。
105 淝水新墳風裊裊。
風裊裊空吹死士魂。
月茫茫曾照征人貌。
征人貌兮誰丹青。
死士魂兮誰哀吊。
110 可憐爭關舊江山。
行人過此情多少。
古來征戰幾人還。
班超歸時髮已斑。
料想良人馳騁外。
115 三尺劍一戎鞍。
秋風沙草。
明月關山。
馬頭鳴鏑。
城上綠竿。
120 功名百忙裏。
勞苦未應閒。

四 懷想

1. 嘆隔

勞與閒誰與言。

Sương-thôn vũ-diêm,
Hổ lạc xà-khu.
Phong xan lộ túc,
95 Tuyết hính băng tu.
Đặng cao vọng vân-sắc
Yên đặc bất sinh sầu ?

2. Cụ mệnh yếu

Tự từng biệt-hậu đông-nam khiêu,
Đông-nam tri Quân chiến hà đạo.
100 Cổ lai chinh-chiến nhân,
Tinh-mệnh khinh như thảo.
Phong-nhận hạ, ôn-ôn hiệp khoáng chúa ân thâm,
Thì-khắc trung, lịch-lịch hoành qua tráng-sĩ yếu.
Kỳ-sơn cự-trùng nguyệt mang-mang,
105 Phi-thủy tân-phần phong niếu-niếu.
Phong niếu-niếu không xuy tử-sĩ hồn,
Nguyệt mang-mang từng chiếu chinh-nhân mạo.
Chinh-nhân mạo hề ! thủy đan thanh ?
Tử-sĩ hồn hề ! thủy ai điều ?
110 Khả liên tranh-đấu cự giang-sơn ,
Hành-nhân quá thử tình đa thiếu ?
Cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hoàn.
Ban Siêu qui-thì mấn dĩ ban.
Liệu tướng Lương-nhân tri-sính ngoại,
115 Tam xích kiếm, nhất nhung an.
Thu-phong sa-thảo ;
Minh-nguyệt quan-san.
Mã-đầu minh-dịch,
Thành-thượng duyên can.
120 Công-danh bách mang lý,
Lao-khổ vị ưng nhàn.

IV. HOÀI TƯỜNG

1. Thán cách

Lao dữ nhàn, thủy dữ ngôn ?

君在天涯妾倚門。
倚門圓妾今生分、
125 天涯豈君平生魂。
平生魂自信相隨魚水伴、
今生分那堪相隔水雲村。
妾身不想爲征婦、
君身豈學爲王孫。
130 何事江南與江北、
令人愁曉更愁昏。
一箇是風流少年客、
一箇是深閨少年嬌。
可堪兩年少、
135 千里各寒暄。

2. 違約期
憶昔與君相別時。
柳條猶未轉黃鸝。
問君何日歸。
君約杜鵑啼。
140 杜鵑已逐黃鸝老、
青柳樓前語鵲鷗。
憶昔與君相別中。
雪梅猶未識東風。
問君何日歸、
145 君指桃花紅。
桃花已伴東風去、
老梅江上又芙蓉。

3. 約何處
與我約何所、
乃約隴西岑。
150 日中兮不來、
墜葉兜我簷。
埽立空涕泣、
荒邨喧午禽。
與我約何所、
155 乃約漢陽橋。
日晚兮不來、

- Quân tại thiên-nha, thiếp ý môn.
 Ý môn cố thiếp kim-sinh phận,
 125 Thiên-nha khởi Quán bình-sinh hôn.
 Bình-sinh hôn, tự tín tương tùy ngư-thủy bạn,
 Kim-sinh phận, na kham tương cách thủy-vân thôn.
 Thiếp thân bất tưởng vì chinh-phụ,
 Quán thân khởi học vì Vương Tôn.
 130 Hà sự giang-nam dữ giang-bắc ?
 Linh nhân sâu hiểu cánh sâu hôn.
 Nhất cá thị : phong-lưu thiếu-niên khách,
 Nhất cá thị : thâm-khuê thiếu-niên hôn.
 Khả kham lưỡng niên thiếu,
 135 Thiên lý các hàn huyền (đọc : hôn) !

2. Vi ước-kỳ

- Ước tích dữ Quân tương-biệt thi,
 Liễu-diêu do vị chuyển hoàng-ly .
 Vấn Quân hà nhật qui ?
 Quân ước đồ-quyên đề.
 140 Đồ-quyên dĩ trực hoàng-ly lão,
 Thanh-liễu lâu-tiền ngữ ý-nhi.
 Ước tích dữ Quân tương-biệt trung,
 Tuyết-mai do vị thức đông-phong.
 Vấn Quân hà nhật qui ?
 145 Quân chỉ đào-hoa hồng.
 Đào-hoa dĩ bạn đông-phong khứ,
 Lão-mai giang-thượng hựu phù-dung.

3. Ước hà sở

- Dữ ngã ước hà sở ?
 Nại ước Lũng-tây sâm.
 150 Nhật-trung hề bất lai,
 Trụy diệp đầu ngã trám.
 Trữ lập không thế-khấp .
 Hoang-thôn huyền ngọc-cầm.
 Dữ ngã ước hà sở ?
 155 Diệp ước Hán-dương kiều.
 Nhật văn hề bất lai,

谷風吹我袍。
埽立空涕泣。
寒江起暮潮。

4. 人未來

昔年寄信勸君回。
今年寄信勸君來。
信來人未來。
楊花零落委蒼苔。
蒼苔又蒼苔。
一步閒庭百感催。
昔年回書訂妾期。
今年回書訂妾歸。
書歸人未歸。
秋窻寂寞轉斜暉。
斜暉斜暉又斜暉。
十約佳期九度違。

五. 孤另

1. 供親教子

試將去日從頭數。
不覺荷錢已三鑄。
最苦是連年紫塞人。
最苦是千里黃花戍。
黃花戍誰無堂上親。
紫塞人誰無閨中婦。
有親安可暫相離。
有婦安能久相負。
君有老親髮如霜。
君有兒郎年且孺。
老親兮倚門。
兒郎兮待哺。
供親餐兮妾爲男。
課子書兮妾爲父。
供親課子此一身。
傷妾思君今幾度。
思君昨日兮已過。
思君今年兮又暮。

Cốc-phong xuy ngã bảo.
Trữ lập không thể-khấp,
Hàn-giang khởi mộ triều.

4. Nhân vị lai

- 160 Tích-niên ký tín khuyến Quân hồi.
Kim-niên ký tín khuyến Quân lai.
Tín lai, nhân vị lai,
Dương-hoa linh -lạc ủy thương-đài.
Thương-đài, thương-đài , hựu thương-đài !
165 Nhất bộ nhân-dinh bách cảm thôi.
Tích-niên hồi thư đính thiếp kỳ.
Kim-niên hồi thư đính thiếp qui.
Thư qui, nhân vị qui.
Sa-song tịch-mịch chuyển tà-huy.
170 Tà-huy, tà-huy , hựu tà-huy !
Thập ước giai-kỳ cửu độ vi.

V. CÔ-LÁNH

1. Cung thân giáo tử

- Thí tương khứ-nhật từng đầu sổ,
Bất giác hà-tiền dĩ tam chú.
Tối khổ thị : liên niên tử-tái nhân ;
175 Tối khổ thị : thiên lý hoàng-hoa thú.
Hoàng-hoa thú , thù vô đường-thượng thân ;
Tử tái nhân , thù vô khuê-trung phụ,
Hữu thân, an khả tạm tương li ?
Hữu phụ, an năng cửu tương phụ ?
180 Quân hữu lão-thân mẫn như sương.
Quân hữu nhi-lang niên thả nhũ.
Lão-thân hề ! ý môn ,
Nhi-lang hề ! đái bộ.
Cung thân, xan hề ! thiếp vi nam,
185 Khóa tử thư hề ! thiếp vi phụ.
Cung thân, khóa tử, thử nhất thân,
Thương thiếp, tư quân, kim kỷ độ.
Tư quân tặc-nhật hề ! dĩ quá,
Tư quân kim-niên hề ! hựu mộ.

190 君淹留二年三年更四年，
妾情懷百縷千縷還萬縷。
安得在君邊。
訴妾衷腸苦。

2. 憑誰寄

妾有漢宮釵。
195 曾是嫁時將送來。
憑誰寄君子，
表妾相思懷。
妾有秦樓鏡。
曾與郎初相對影。

200 憑誰寄君子，
照妾今孤另。
妾有釣指銀，
手中時相親。
憑誰寄君子，
205 微物寓慙慙。
妾有搔頭玉，
嬰兒年所弄。
憑誰寄君子，
他鄉幸珍重。

六. 望想

1. 待信

210 昔年音信有來時。
今年音稀信亦稀。
見鴈枉然思塞帛，
聞霜漫自製綿衣。
西風欲寄無鴻便，
215 天外憐伊雪雨垂。
雪寒伊兮虎帳，
雨冷伊兮猿幃。
寒冷般般苦，
天外可憐伊。

2. 惜迷

220 錦字題詩封更展。

- 190 Quân yêm-lưu nhĩ niên, tam niên, cánh tứ niên.
Thiếp tình-hoài bách lữ, thiên lữ, hoàn vạn lữ.
An đắc tại Quân biên,
Tổ thiếp trung -trường khổ ?

2. Bằng thù ký...

- Thiếp hữu Hán-cung soa (đọc : soai).
195 Tằng thị giá-thị tương tống lai.
Bằng thù ký Quân-tử,
Biểu thiếp tương-tư hoài.
Thiếp hữu Tần-lâu cánh,
Tằng dữ Lang sơ tương đối ảnh.
200 Bằng thù ký Quân-tử.
Chiếu thiếp kim cô-lạnh.
Thiếp hữu câu -chỉ ngân,
Thủ trung thì tương thân,
Bằng thù ký Quân-tử,
205 Vi-vật ngụ ân căn.
Thiếp hữu tao-đầu ngọc.
Anh-nhi niên sở lộng.
Bằng thù ký Quân-tử,
Tha-hương hạnh trần-trọng.

VI. VỌNG TƯỢNG

1. Đại tín

- 210 Tích-niên âm-tín hữu lai thì,
Kim niên âm hi, tín diệc hi.
Kiến nhận, uổng-nhiên tư tái bạch ,
Văn sương, mạn tự chế miên-y.
Tây-phong dục ký, vô hồng tiện,
215 Thiên ngoại liên y tuyết vũ thù .
Tuyết hàn y hề ! hồ-trướng,
Vũ lãnh y hề ! lang-vi,
Hàn-lãnh ban-ban khổ,
Thiên ngoại khả liên y .

2. Hôn-mê

- 220 Cẩm-tự đề thi phong cánh triển,

金錢問卜信還疑。
幾度黃昏時，重軒人獨立。
幾回明月夜，單枕髮斜欹。
不關醜與耐，惓惓人似醉。
225 不關愚與情，惓惓意如廡。
簪斜髮髻擊無奈。
裙褪柔腰瘦不支。

3. 只燈知

晝沉沉午院行如墜，
夕悄悄湘簾捲又垂。
230 簾外窺日出，枝頭無鷓鴣。
簾中坐夜來，心事只燈知。
燈知若無知。
妾悲只自悲。

七. 愁悶

1. 愁懷

悲又悲兮更無言。
235 燈花人影總堪憐。
唧唧鷓鴣聲通五夜，
披拂槐陰度八磚。
愁似海。
刻如年。
240 強燃香，花魂消，絃炷下。
強臨鏡，玉筯墜，菱花前。
強撥琴，指下驚停鳳凰柱。
強調瑟，曲中悲過鴛鴦絃。
此意春風若肯傳。
245 千金借力寄燕然。
燕然未能傳。
憶君迢迢兮路如天。

2. 愁景

天遠未易通。
憶君悠悠兮思何窮。
250 懷人處傷心胸。
樹葉青霜裡。

- Kim tiền vấn bộc tín hoàn nghi.
 Kỷ độ hoàng-hôn thì, trùng-hiên nhân độc lập.
 Kỷ hối minh-nguyệt dạ, đơn-chấm mấn tà-khi.
 Bất quan đàm dữ hàm , hôn-hôn nhân tự túy,
 225 Bất quan ngu dữ nọa, mộng-mộng ý như si.
 Trâm tả, ủy-đọa bông vô nại,
 Quần thoái, nhu -yêu sấu bất chi.

3. Chỉ đăng tri

- Trú trăm-trăm, ngo-viện hành như trụ,
 Tịch tiêu-tiêu , tương-liêm quyền hựu thùý.
 230 Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi -đầu vô thước báo,
 Liêm trung tọa, dạ lai tâm-sự chỉ đăng tri.
 Đăng tri nhược vô tri.
 Thiếp bi chỉ tự bi.

VII. SẦU-MUỘN

1. Sầu hoài

- Bi hựu bi hề ! cánh vô ngôn (đọc : nghiên),
 235 Đăng hoa, nhân ảnh tổng kham liên.
 Y-ốc kê-thanh thông ngũ dạ,
 Phi-phất hộc-âm độ bát chuyên.
 Sầu tự hải,
 Khắc như niên.
 240 Cưỡng nhiên hương, hoa-hôn tiêu đàn-chú hạ.
 Cưỡng lâm cánh, ngọc-trợ trụ lãng-hoa tiên.
 Cưỡng viện cầm, chỉ-hạ kinh đình hoàng -phượng trụ.
 Cưỡng điều sắt, khúc-trung bi át uyên-ương huyền.
 Thử ý xuân-phong nhược khảng truyền,
 245 Thiên kim tá lực ký Yên-nhiên.
 Yên-nhiên vị năng truyền,
 Ưc quân điều-diêu hề ! lộ như thiên.

2. Sầu-cảnh

- Thiên viễn vị dị thông,
 Ưc quân du-du hề ! tứ hà cùng.
 250 Hoài nhân xứ, thương tâm hung .
 Thụ-diệp thanh sương-lý ,

聲細雨中。
霜斧殘兮楊柳，
雨鋸損兮梧桐。
355 鳥返高春。
露下低叢。
寒垣候虫。
遠寺晚鐘。
蟋蟀數聲雨，
360 芭蕉一院風。
風裂紙窗穿帳隙，
月移花影上簾櫳。
花前月照月自白，
月下花開花自紅。
265 月花花月兮影重重。
花前月下兮心忡忡。

八。失望

1. 懶慵

千般懶，萬事慵。
慵女工，錦軸恥拋鴛對偶，
慵婦巧，金針羞刺蝶雌雄。
370 慵粧對曉空施粉，
慵語終朝悶倚窗。
倚窗倚窗復倚窗。
郎君去兮誰爲容。
誰爲容兮空盤桓。
375 郎君去兮隔重關。
何啻天帝孫，冷落泣銀渚。
何啻姮娥婦，淒涼坐廣寒。

2. 悶愁

藉愁兮爲枕，
煮悶兮爲餐。
380 欲將酒制愁，愁重酒無力。
欲將花解悶，悶壓花無顏。
愁悶總爲愁悶誤，
悶愁化作九泉灘。

- Cùng-thanh tế vũ-trung .
 Sương-phủ tàn hê ! dương-liễu,
 Vũ cú tồn hê ! ngô-đồng.
 255 Điều phản cao-thung .
 Lộ hạ dê-tùng.
 Hàn-viên hậu-trùng,
 Viễn-tự hiếu -chung.
 Tất-suất sở thanh vũ,
 260 Ba-tiêu nhất viện phong.
 Phong liệt chỉ -song xuyên trướng-khích,
 Nguyệt di hoa-ảnh thượng lâm-lung .
 Hoa-liên nguyệt chiếu , nguyệt tự bạch,
 Nguyệt-hạ hoa khai , hoa tự hồng.
 265 Nguyệt hoa, hoa nguyệt hê ! ảnh trùng-trùng.
 Hoa-tiên nguyệt-hạ hê ! tâm xung-xung.

VIII. THẤT-VỌNG

1. Lân-dung

- Thiên ban lân, vạn sự dung.
 Dung nữ-công, cấm-trục sĩ phao uyên đối-ngẫu.
 Dung phụ-xảo, kim-châm tu thích điệp thư-hùng.
 270 Dung trang đối hiếu không thi phẩn.
 Dung ngữ chung triều muện ý song.
 Ý song, ý song, phục ý song,
 Lang-quân khứ hê ! thù vi-dung ?
 Thù vi-dung hê ! không bàn-hoàn.
 275 Lang-quân khứ hê ! cách trùng quan.
 Hà thí Thiên-đế tôn, lạnh-lạc khắp Ngân -chử.
 Hà thí Hằng-ngà phụ, thê-lương tọa Quảng-hàn.

2. Muộn sầu

- Tạ sầu hê ! vi chấm.
 Chử muộn hê ! vi xan.
 280 Dục tương tửu chế sầu, sầu trọng tửu vô lực.
 Dục tương hoa giải muộn, muộn áp hoa vô nhan.
 Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ,
 Muộn sầu hóa-tác cửu tuyền than.

試望兮不成響。
285 抱銀箏兮不忍彈。
思遠塞兮行路難。
念征夫兮囊索單。
鵲聲啼落闌情淚。
樵鼓敲殘帶慙肝。
290 不勝憔悴形骸軟。
始覺睽離滋味酸。

九. 望 尋

1. 夢

滋味酸兮酸更辛。
酸辛端的爲良人。
爲良人兮雙妾淚。
295 爲良人兮隻妾身。
妾身不到君征帳。
妾淚不到君征巾。
惟有夢魂無不到。
尋君夜夜到江津。
300 尋君兮陽臺路。
會君兮湘水濱。
記得幾番歡會處。
無非一枕夢中春。
此身反恨不如夢。
305 隴水函關與子親。
夢去無憎驚更斷。
夢回又慮幻非真。
惟有寸心眞不斷。
永當頃刻少離君。

2. 四 望

310 心不離君未見君。
凭高幾度望征輪。
望君何所見。
江洲滿白蘋。
燕草披青縷。
315 秦桑染綠雲。
南來井邑半兵塵。

- Thí quỳnh-sanh hề ! bất thành hưởng.
 285 Bão ngân-tranh hề ! bất nhần đàn.
 Tư viễn-tái hề ! hành-lộ nan .
 Niệm chinh-phu hề ! nang-xác đàn.
 Quyên-thanh đề lạc quan-tình lệ,
 Tiều-cổ xao tàn đài-mại can.
 290 Bất thăng tiêu-tụy hình-hải nhuyển;
 Thủy giác khuê-ly tư-vị toan !

IX. VỌNG TẦM

1. Mộng

- Tư-vị toan hề ! toan cánh tân ,
 Toan-tân đoan-dịch vị Lương-nhân.
 Vị Lương-nhân hề ! song thiệp-lệ,
 295 Vị Lương-nhân hề ! chích thiệp-thâm.
 Thiệp-thân bất đáo Quân-chinh trưởng,
 Thiệp-lệ bất đáo Quân chinh-cân.
 Duy hữu mộng-hồn vô bất đáo,
 Tầm Quân dạ-dạ đáo giang-tân.
 300 Tầm Quân hề ! Dương-đài lộ,
 Hội Quân hề ! Tương-thủy tân .
 Ký đắc kỷ phiên hoan-hội xứ,
 Vô phi nhất chấm mộng-trung xuân.
 Thử thân phản hận bất như mộng,
 305 Lũng-thủy Hàm -quan dữ tử thân.
 Mộng khứ muội tăng kinh cánh đoạn,
 Mộng hồi hựu lự huyển phi chân.
 Duy hữu thốn-tâm chân bất đoạn,
 Vị thường khoảnh-khắc thiếu li Quân.

2. Tứ vọng

- 310 Tâm bất li Quân, vị kiến Quân.
 Bể cao kỷ độ vọng chinh-luân.
 Vọng Quân hà sở kiến ?
 Giang-châu mẫn bạch-tần.
 Yên-thảo phi thanh-lũ,
 315 Tần-tang nhiệm lục-vân.
 Nam lai tỉnh ập bán bình -trần.

落日平沙驚一群。
望君何所見、
官路短長亭。
320 雲間吳樹暗。
天際蜀山青。
北來永泰半荒城。
微雨江樓笛一聲。
望君何所見、
325 崆山葉做堆。
自飛青野雉。
自舞隔江梅。
東去烟嵐慘不關。
西風飄薄鳥聲哀。
330 望君何所見、
河水曲如鉤。
長空數點鴈、
遠浦一歸舟。
西去松楸接斷蕪。
335 行人微沒隔蒼洲。
望盡天頭又地頭。
幾日登樓更下樓。
凍雲阻盡相思眼、
何處玉關征戰戍。

十. 懷疑

1. 悔恨

340 恨無長房縮地術、
恨無仙子擲巾符。
有心誠化石、
無淚可登樓。
回首長堤楊柳色、
345 悔教夫婿覓封侯。

2. 疑惑

不識離家千里外、
君心有似妾心不。
君心倘與妾心似、

- Lạc-nhật bình-sa lộ nhất quân.
 Vọng Quân hà sở kiến ?
 Quan -lộ đoản tràng đình.
- 320 Vân-gian Ngô-thụ ám ,
 Thiên-tế Thục-sơn thanh.
 Bắc lai hòa thử bán hoang-thành.
 Vi-vũ giang -lâu địch nhất thanh.
 Vọng Quân hà sở kiến ?
- 325 Không -sơn điệp tổ đôi.
 Tụ phi thanh -dã trí,
 Tụ vũ cách giang mai.
 Đông khứ yên-lam thăm bất khai,
 Tây-phong phiêu-bạc điều-thanh ai.
- 330 Vọng Quân hà sở kiến ?
 Hà-thủy khúc như câu.
 Trường-không sổ điểm nhận,
 Viễn-phố nhất qui châu.
 Tây khứ tùng-thu tiếp đoạn vu.
- 335 Hành-nhân vi-một cách thương -châu.
 Vọng tận thiên-dầu hựu địa-dầu,
 Kỷ nhật đăng lâu cánh há -lâu.
 Đồng -vân trở tận tương-tư nhãn,
 Hà xứ Ngọc-quan chinh-chiến sru ?

X. HOÀI NGHI

1. Hối-hận

- 340 Hận vô Trường-phòng súc địa thuật.
 Hận vô tiên-tử trịch cân phù.
 Hữu tâm thành hóa thạch,
 Vô lệ khả đăng lâu.
 Hối thủ trường-đê dương-liễu sắc,
- 345 Hối giao phu-tế mệnh phong hầu.

2. Nghi-hoặc

Bất thức li gia thiên lý ngoại,
 Quân-tâm hữu tự thiệp-tâm phầu ?
 Quân-tâm thẳng dữ thiệp-tâm tự,

黃亦於君何怨尤。
30 責心如花常向陽。
只怕君心如流光。
流光一去不復照。
花爲流光黃又黃。
花黃更向誰邊笑。
10 流光不肯一迴照。
黃花却爲流光老。

1. 憂老
4. 經難霜
黃花老兮落滿牆。
花落如今經幾霜。
庭蘭兮已摘。
30 江蒲兮又芳。
攝衣步前堂。
仰目觀天童。
織雲時彷彿。
北斗忽低昂。
35 河水翻明滅。
參躔乍現藏。
月照兮我床。
風吹兮我聽。

2. 猶別
王顏隨年削。
30 丈夫猶他方。
昔爲形與影。
今爲參與商。
若違雲擁青絲騎。
妾處苔生獨履廊。

3. 誤良時
30 廊內春風日將歇。
可憐誤盡良時節。
良時節。姚黃魏紫嫁東風。
良時節。織女牛郎會明月。
昨日未筭西家娘。
30 今年已歸東鄰債。

- Thiếp diệp ư Quán hải oán-vưu.
- 350 Thiếp-tâm như hoa thường hướng dương,
 Chỉ phạ Quán-tâm như lưu-quang.
 Lưu-quang nhất khứ bất phục chiếu,
 Hoa vị lưu-quang hoảng hựu hoảng.
 Hoa hoảng cánh hướng thủy biên tiếu ?
- 355 Lưu-quang bất khăng nhất hồi chiếu .
 Hoảng-hoa khiếp vị lưu-quang lão.

XI. ƯU LÃO

1. Kinh kỷ sương

- Hoảng-hoa lão hễ lạc mẫn tường.
 Hoa lạc như kim kinh kỷ sương.
 Đình-lan hễ ! dĩ trích,
- 360 Giang-tảo hễ ! hựu phương.
 Nhiếp y bộ tiền-duơng.
 Ngưỡng mục quan thiên-chương.
 Tiêm-vân thỉ phảng-phất,
 Bắc-dầu hốt dề ngang.
- 365 Hà-thủy phiến minh diệt,
 Sâm -triền sạ hiện-táng.
 Nguyệt chiếu hễ ngã sáng.
 Phong xuy hễ ngã song (đọc xoang).

2. Đo biệt

- Ngọc-nhan tùy niên tước .
- 370 Trượng-phu đo tha-phương .
 Tích vi hình dữ ả.h.
 Kim vi Sâm dữ Thương.
 Quân-biên văn ủng thanh-ti ky.
 Thiếp-xử đãi sinh Hưởng-diệp lang.

3. Ngộ lương-thị

- 375 Lang nội xuân-phong nhật tương yết.
 Khả liên ngộ tận lương-thị tiết.
 Lương-thị tiết, Diêu-hoàng Ngụy-lữ giá đông-phong.
 Lương-thị tiết, Chức-nữ Ngưu-lang hội minh-nguyệt.
 Tạc-nhật vị kẻ tây-gia nương.
- 380 Kim-niên dĩ qui đông-lấn thiến*.

可憐兔守一空房。
年年誤盡良時節。
良時節兮忽如梭。
人世青春容易過。
385 况復是春悶未消秋恨續。
况復是合歡更少別愁多。
別愁秋恨兩相磨。
蒲柳青青能幾何。

4. 憂老

空嘆惜浪客嗟。
390 只恐白到文君頭空嘆惜。
只恐花到潘郎髻浪客嗟。
嘆惜何以爲。
顏色猶紅如嫩花。
客嗟何以爲。
395 光陰一擲無回戈。
客命薄惜年花。
紛紛少婦幾成蟠。
香閣重懷陪笑臉。
花樓尚記解香羅。
400 恨天不與人方便。
底事到今成坎坷。
坎坷坎坷知奈何。
爲妾嗟兮爲君嗟。

五. 願約

1. 不如物

君不見野外雙鴛鴦。
405 甘心不忍兩分張。
又不見採閒雙燕燕。
白首何曾忘眷戀。
鵲鵲也無情。
比翼相隨過一生。
410 蛩蛩也無知。
竝驅到老不相違。
路柳曾傳連理處。

- Khả linh thỏ thủ nhất không phòng,
 Niên niên ngộ tận lương-thị tiết.
 Lương-thị-tiết hề ! hốt như thoa.
 Nhân-thế thanh-xuân dung-dị qua,
 385 Huống phục thị : xuân-muộn vị tiêu, thu-hận tục.
 Huống phục thị : hợp-hoan cánh thiếu, biệt-sầu đa.
 Biệt-sầu thu-hận lượng tương ma.
 Bờ-liều thanh-thanh năng kỷ hà !

4. Ưu-lão

- Không thán-tích, lãng tư-ta.
 390 Chỉ khúng bạch đảo Văn-quân đầu, không thán-tích.
 Chỉ khúng hoa đảo Phan-lang mấn, lãng tư-ta .
 Thán-tích hà dĩ vi ?
 Nhan-sắc do hồng như nộn-hoa .
 Tư-ta hà dĩ vi ?
 395 Quang-âm nhất trịch vô hồi qua .
 Tư mệnh bạc. Tích niên hoa.
 Phân-phân thiếu-phụ kỷ thành bà .
 Hương-các trùng hoài bồi tiểu-kiếm.
 Hoa-lâu thượng ký giải hương-la.
 400 Hận thiên bất dữ nhân phương-tiện,
 Để sự đảo kim thành kham-kha. .
 Kham-kha, kham-kha, tri nại hà ?
 Vị thiếp ta hề ! vị Quân ta.

XII. NGUYỄN-ƯỚC

1. Bất như vật

- Quân bất kiến : dã-ngoại song uyên-ương,
 405 Cam tâm bất nhãn lương phản-trương.
 Hựu bất kiến : lương-gian song yển-yển,
 Bạch thủ hà từng vong quyển-luyến .
 Kiêm-kiêm dã vô tình,
 Tỉ dục tương tùy quá nhất sinh.
 410 Cùng-cùng dã vô tri,
 Tính khu đảo lão bất tương vi .
 Lộ-liều tăng truyền liên lý xứ,

沱蓮亦有竝頭時。
負屢兮驅驢。
415 抱蘿兮莧絲。
何人生之相遠、
嗟物類之如斯。

2 願相隨

安得在天爲比翼鳥、
在地爲連理枝。
420 寧甘死相見、
不忍生相離。
雖然死相見、
曷若生相隨。
安得君無老日、
425 妾常少年。
願爲影兮隨君邊。
君有行兮影不遠。
君依先兮妾如願。
願君許國心如丹、
430 願君庇民身如鐵。
鐵來吞下月氐頭、
渴來飲下單于血。
主懇求

1 願凱還

何幸期門鋒刃中。
老天著意護英雄。
435 護英雄百戰功。
長驅駟馬靜關東。
關東關北休傳箭、
山尾山頭早掛弓。
捷色旌旗辭塞月、
440 凱歌將士背邊風。
勒詩兮燕然石。
獻賦兮未央宮。
未央宮兮向天朝。
挽銀河兮洗弓刀。

Trì-liên diệp hữu tính đầu thì.
Phụ quyết hề ! cự-hư,
415 Bảo la hề ! thỏ-ti .
Hà nhân sinh chi tương viễn ?
Ta vật-loại chi như tư (độc ti) !

2. Nguyên tương tùy

Yên đắc : tại thiên vi tỉ-dục điều,
Tại địa vi liên-lý chi ?
420 Ninh cam tử tương kiến ,
Bất nhãn sinh tương li.
Tuy nhiên tử tương kiến,
Hạt nhược sinh tương tùy.
Yên đắc : Quân vô lão-nhật,
425 Thiếp thường thiếu-niên ?
Nguyên vi ảnh hề ! tùy Quân biên.
Quân hữu hành hề ! ảnh bất viễn.
Quân y quang hề ! thiếp như nguyên.
Nguyên Quân hứa quốc tâm như đan
430 Nguyên Quân tí dân thân như thiết.
Cơ lai, thôn hạ Nhục-chi đầu.
Khát lai, ẩm hạ Thiên-vu huyết.

XIII. KHĂN-CAU

1. Nguyên khái-hoàn

Hà hạnh Kỳ-môn phong-nhận trung,
Lão-thiên trước ý hộ anh-hùng !
435 Hộ anh-hùng bách chiến công ;
Trường khu tứ-mã tính Quan-đông.
Quan-đông, Quan-bắc hưu truyền tiến ;
Sơn-vĩ, sơn-đầu tảo quải cung.
Tiếp-sắc tinh-kỳ từ tái-nguyệt ;
440 Khái-ca tướng-sĩ bội biên-phong.
Lặc thi hề ! Yên-nhiên thạch !
Hiển quắc hề ! Vĩ-ương cung !
Vĩ-ương cung hề ! hướng Thiên-triều.
Vấn Ngân-hà hề ! tẩy cung đao.

445 詞人刪下平淮頌。
樂府歌傳入漢謠。
凌烟閣兮秦叔寶。
麒麟臺兮霍嫖姚。
天長地久茅苴券。
450 子蔭妻封爵祿標。

2. 願合歡

有愁兮此日、
得意兮來時。
妾非蘇家癡心婦。
君亦洛陽好男兒。
455 歸來倘佩黃金印。
肯學當年不下機。
願爲君兮解征衣。
願爲君兮捧霞帔。
爲君梳櫛雲鬟髻。
460 爲君粧點玉胭脂。
取君看兮舊淚帕。
訴君聽兮舊情詞。
舊情詞兮換新聯。
語新話舊兮酒盃前。
465 淺酌兮慢慢。
低唱兮連連。
酌不酌兮蒲城醞。
唱不唱兮紫駟篇。
願酌九醞兮唱雙聯。
470 與君整頓兮舊姻緣。
交頸成雙到老天。
償了功名離別債。
相憐相守太平年。
太平年願君止戈置。
475 若然此別妾何淚。
將會之期將寄言。
嗟乎丈夫當如是。

[From Hoàng Xuân Hãn, *Chinh Phụ Ngâm bi-khảo*,
Minh-Tân, Paris, 1953, pp. II-XXXVI]

- 445 Từ-nhân san hạ Bình-Hoài tụng,
 Nhạc-phủ ca truyền Nhập-Hán dao
 Lăng-yên các hề ! Tân Thúc-Bảo,
 Kỳ-lân đài hề ! Hoắc Phiêu-Điều.
 Thiên trường, địa cửu mao-thư khoán.
 450 Tử âm thê phong, tước lộc tiêu.

Nguyễn hợp-hoan

- Hữu sầu hề ! thử nhật,
 Đắc ý hề ! lai-thị .
 Thiếp phi Tô-gia si-tâm phụ,
 Quân diệc Lạc-dương hảo nam-nhi.
 455 Qui lai thắng bội hoàng-kim ấn,
 Khảng học đương niên bất há cơ (đọc ki).
 Nguyễn vi Quân hề ! giải chinh-y.
 Nguyễn vi Quân hề ! bổng hà -chi.
 Vị Quân, sơ-trất vân hoàn-kệ ,
 460 Vị Quân, trang-diểm ngọc yên -chi.
 Thủ Quân khan hề ! cụu-lệ bạch ,
 Tổ Quân thính hề ! cụu-tình từ (đọc Ti):
 Cụu tình-từ hề ! hoán tân-liên,
 Ngũ tân, thoại cụu hề ! tửu-bôi tiền.
 465 Thiển châm hề ! man-man .
 Đề xướng hề ! liên-liên.
 Châm bất châm hề ! Bồ -thành nhượng .
 Xướng bất xướng hề ! Tử-lưu thiên.
 Nguyễn châm cửu-ổn hề ! xướng song liên.
 470 Dữ quân chinh-đốn hề ! cụu nhân-duyên.
 Giao cảnh thành song đảo lão-thiên.
 Thường liễu công-danh li-biệt trái .
 Tương liên, tương thủ thái-bình niên.
 Thái-bình niên, nguyễn Quân chỉ qua trí .
 475 Nhược nhiên, thử biệt thiếp hà lệ.
 Tương hội chi kỳ, tương ký ngôn :
 « Ta hồ trượng-phu đương như thị ! »

[From Hoàng Xuân Hãn, *Chinh Phụ Ngâm bị-khảo*,
 Minh-Tân, Paris, 1953, pp. 235-262]

B I B L I O G R A P H Y

- Đặng Trần Côn & Đoàn Thị Điểm. *Chinh phụ ngâm - Plaintes d'une femme dont le mari est parti pour la guerre*. Translated by Lê Văn Chát, Éditions en Langues Étrangères, Hanoi, 1963.
- Đặng Trần Côn & Đoàn Thị Điểm. *Chinh phụ ngâm khúc*. Edited by Tôn Thất Lương, Tân-Việt, Saigon, 1953 (Third edition).
- Đặng Trần Côn & Đoàn Thị Điểm. *Chinh phụ ngâm khúc - Femme de guerrier*. Translated and annotated by Huỳnh Khắc Dụng, Ministry of National Education, Saigon, 1960 (Second edition).
- Đặng Trần Côn & Phan Huy Ích. *Chant de la femme du combattant*. Translated and annotated by Lê Thành Khôi, Gallimard, Paris, 1967.
- Đoàn Thị Điểm. *Chinh phụ ngâm*. Edited by Hoàng Ngọc Phách, Lê Thuốc & Vũ Đình Liên, Ministry of Education, Hanoi, 1957.
- Hoàng Xuân Hãn. *Chinh-phụ-ngâm bị-khảo*. Minh-Tân, Paris, 1953.
- Hoàng Xuân Nhị. *Plaintes d'une chinh-phụ, femme dont le mari part en guerre*. Mercure de France, Paris, 1939.
- Lê Tuyên. *Chinh phụ ngâm và tâm-thức lãng-mạn của kẻ lưu-đày*. Huế University Press, Huế, 1961.
- Phạm Xuân Thái. *Warrior's Wife's Plaintive Ballad (Chinh phụ ngâm)*. Phổ-Thông, Saigon, 1957.
- Tạ Văn Ru & Nguyễn Sỹ Tế. *Luận-đề về Chinh-phụ-ngâm*. Thăng-Long, Saigon, 1954.
- Thuần Phong. *Chinh-phụ ngâm-khúc giảng-luận*. Á-Châu, Saigon, 1950.



VIETNAMESE STUDIES AT YALE



WELCOME TO THE LẠC-VIỆT SERIES



In 1983 we launched THE VIETNAM FORUM, a semi-annual review of Vietnamese culture as part of the Yale Southeast Asian Refugee Project. Today, in the same spirit, and with continued generous assistance from the Henry Luce Foundation, we offer Nguyễn Chí Thiện's **Flowers from Hell** as the first volume in the LẠC-VIỆT Series.

Under the auspices of the Council on Southeast Asia Studies and the editorial direction of Huỳnh Sanh Thông, we are committed to publishing a series of works on Vietnam covering its history, language, literature, folklore, economy, and politics. We hope that men and women of the Vietnamese diaspora will welcome and contribute to this small effort to preserve a precious cultural heritage and a historical experience.

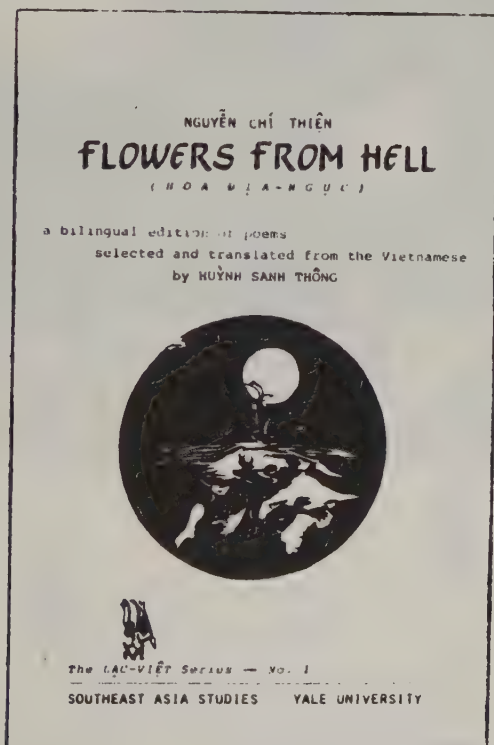
From all readers we invite manuscripts as well as comments and suggestions for the LẠC-VIỆT Series in the hope of making it a vital contribution to Vietnamese refugees and their friends everywhere, and to interested scholars in the humanities and social sciences.

James C. Scott
Chairman
Council on Southeast Asia Studies

YALE SOUTHEAST ASIA STUDIES

announces the first volume in the *LẠC-VIỆT* Series

"[Nguyễn Chí Thiện's poems] represent a remarkable legacy. We see no reason to apologize for the strident anti-communist tone of this poetry, which was, after all, nurtured in Vietnamese prisons for twenty years... What is most memorable about these poems is not the target of their cold rage... What is memorable in these poems is the quality of the anger, the apocalyptic vision, the survival of dreams, hope, and love, the minute observation of prison life, and, above all, the survival of poetry in Nguyễn Chí Thiện."—James C. Scott.



US\$7.00 (including postage)

Please make your check or money order payable to *Yale Southeast Asia Studies* and send it to: Southeast Asia Studies, Box 13A Yale Station, New Haven, CT 06520 USA.

JOHN K. WHITMORE

Vietnam, Hồ Quý Ly, and the Ming (1371-1421)



The LAC-VIÊT Series — No. 2

YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES
COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES

US\$10.00 (including postage)

Please make your check or money order payable to Yale Southeast Asia Studies and send it to:

Yale Southeast Asia Studies

Box 13A Yale Station

New Haven, CT 06520 USA

* * * * * SUMMER 1986 * * * * *



TO BE MADE OVER

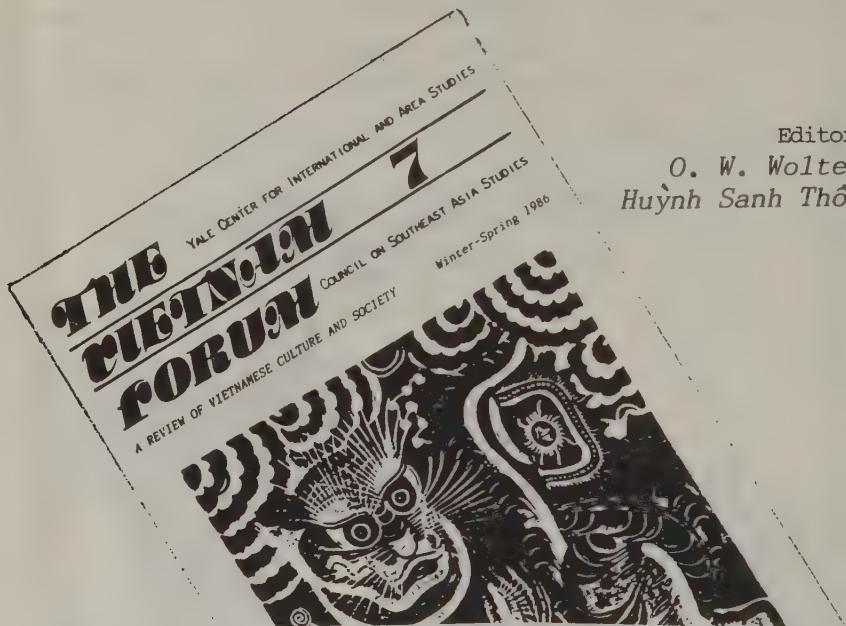
tales of socialist re-education
in Vietnam

edited and translated by HUỲNH SANH THÔNG



The LẠC-VIỆT Series -- No. 4

COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES
YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES



Editors:

O. W. Wolters
Huỳnh Sanh Thông

Contents - The beast of the year Bính-Dần: Speaking of the tiger; The lawgiver and the tigers; The curious tiger; Nostalgia for the wilds (Thế Lữ). A New Year's song (Lê Văn Khoa). The word in the system of Vietnamese grammar (Nonna V. Stan-kievich & Nguyễn Tài Căn). La médecine vietnamienne traditionnelle à travers trois textes (Nguyễn Trần Huân). Looking behind the Vietnamese annals: Lý Phật Mã and Lý Nhật Tôn in the *Việt sử lược* and the *Toàn thư* (K. W. Taylor). A simple life (Nguyễn Bình Khiêm). Les instruments profanes dans la musique bouddhique du Vietnam (Nguyễn Thuyết Phong). The traditional village in Vietnam (Neil Jamieson). French colonialism and the peasant question in Vietnam (Christine P. White). Mother's faith (Thừa Phong). The world of Nguyễn Khai. Writers in South Vietnam, 1954-1975 (Võ Phiến). A man of love (Xuân Diệu). Images of the Vietnamese in American war fiction (Stephen O. Lesser). O life I love and cherish like my wife! (Việt Phưởng). Communism and Guigoz-canism (Tưởng Năng Tiến). Suicides (Nguyễn Mạnh Giác). 270 p.

Subscription rates: US\$10 a year in the U.S. and Canada; US\$12 a year elsewhere. Write to:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

THI - CA VIỆT - NAM
DO HUỖNH SANH THÔNG DỊCH RA ANH-VĂN

NGUYỄN
DU



TRUYỀN
KIỀU

The Tale of Kiều

BẢN DỊCH CỔ NGUYỄN-VĂN QUỐC-NGŨ IN SONG-SONG

Sách 250 trang, bìa cứng, in đẹp, giấy bền (không a-xít), với bốn bức vẽ minh-họa độc-đảo của Hồ Đắc Ngọc.

The Heritage of Vietnamese Poetry

GỒM BẢN DỊCH 475 BÀI THƠ

(Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Hoa Điệu Tranh Năng, vân-vân...). Sách 350 trang, bìa cứng, in đẹp, giấy bền (không a-xít), với bức mộc-bản "Non Nước" của Võ Đình ngoài bìa.

PHIẾU MUA SÁCH

Tôi muốn mua:

[] The Tale of Kiều (\$17.50 + \$2.00 cước-phí = \$19.50).

[] The Heritage of Vietnamese Poetry (\$32.00 + \$2.00 cước-phí = \$34.00).

Kèm theo đây chi-phiếu/ngân-phiếu \$_____ để trả cho Yale University Press và gửi về: Yale University Press, 92A Yale Station, New Haven, Connecticut 06520, U.S.A.

Gửi sách đến: _____



Yale Southeast Asia Studies
and
Ateneo de Manila University Press



announce the publication

of

Manila 1900-1941: Social Change in a Late Colonial Metropolis

by

DANIEL F. DOEPPERS

This book explores the processes and careers which produced and changed the structure of Filipino society in Manila during the early part of the twentieth century.

MONOGRAPH SERIES NO. 27

YALE SOUTHEAST ASIA STUDIES



MANILA 1900-1941: SOCIAL CHANGE IN A LATE COLONIAL METROPOLIS, by Daniel F. Doepfers. Mono. #27. ix, 194 pp. \$14.00. With map, figures, tables, photographs, glossary, appendix, index, and bibliography.

CENTERS, SYMBOLS, AND HIERARCHIES: ESSAYS ON THE CLASSICAL STATES OF SOUTHEAST ASIA, edited by Lorraine Gesick with Foreword by Clifford Geertz. Mono. #26. x, 241 pp. \$14.00. A collection of six essays which examine the "classical states" of Burma, Thailand, Cambodia, Java and Sulawesi. (1983)

REVOLUTION AND ITS AFTERMATH IN KAMPUCHEA: EIGHT ESSAYS, edited by David P. Chandler and Ben Kiernan. Mono. #25. x, 319 pp. \$14.00. Presents a look at some aspects of Kampuchean history in the 1970s during and immediately following the Pol Pot regime. (1983)

MORAL ORDER AND THE QUESTION OF CHANGE: ESSAYS ON SOUTHEAST ASIAN THOUGHT, edited by David K. Wyatt and Alexander Woodside. Mono. #24. vii, 413 pp. \$16.00. The intellectual history of Southeast Asia discussed in seven analytical essays which use a wide variety of source materials. (1982)

PEASANT POLITICS AND RELIGIOUS SECTARIANISM: PEASANT AND PRIEST IN THE CAO DAI IN VIET NAM, by Jayne S. Werner. Mono. #23. iv, 123 pp. \$10.50. A thought-provoking study of the history of the Cao Dai sect in Viet Nam from its founding in Saigon in 1925. (1981)

SOUTHEAST ASIA UNDER JAPANESE OCCUPATION, edited by Alfred W. McCoy. Mono. #22. vi, 250 pp. \$14.00. A collection of nine essays which reassess the thesis that the "Japanese interregnum" formed a distinct and decisive epoch in Southeast Asian history. (1980)

ADDITIONAL PUBLICATIONS CURRENTLY AVAILABLE

Translation Series

SIX INDONESIAN SHORT STORIES, by Rufus Hendon. Trans. #7. viii, 123 pp. \$5.50

Bibliography Series

IFUGAO BIBLIOGRAPHY, by Harold C. Conklin. Bibl. #11. vi, 75 pp. \$5.50. (1968)

THE INDONESIAN ECONOMY, 1950-1967: BIBLIOGRAPHIC SUPPLEMENT, by George L. Hicks and Geoffrey McNicoll. Bibl. #10. xii, 211 pp. \$6.75. (1968)

THE INDONESIAN ECONOMY, 1950-1965: A BIBLIOGRAPHY, by George L. Hicks and Geoffrey McNicoll. Bibl. #11. x, 248 pp. \$5.75. (1967)

Monograph Series

PERSPECTIVES ON PHILIPPINE HISTORIOGRAPHY: A SYMPOSIUM, edited by John A. Larkin
Mono. #21. iv, 74 pp. \$12.00. (1979)

LANDED ESTATES IN THE COLONIAL PHILIPPINES, by Nicholas P. Cushner, S.J. Mono.
#20. x, 146 pp. \$11.50. (1976)

POLITICAL PARTICIPATION IN MODERN INDONESIA, ed. by William R. Liddle. Mono.
#19. x, 206 pp. \$9.50. (1973)

FOREIGN POLICY AND NATIONAL INTEGRATION: THE CASE OF INDONESIA, by Jon M. Reinhardt.
Mono. #17. vi, 230 pp. \$8.50. (1971)

PHILIPPINE MIGRATION: THE SETTLEMENT OF THE DIGOS-PADADA VALLEY, DAVAO PROVINCE,
by Paul D. Simkins and Frederick L. Wernstedt. Mono. #16. x, 147 pp. \$8.50. (1970)

CONFERENCE UNDER THE TAMARIND TREE: THREE ESSAYS IN BURMESE HISTORY, by Paul J.
Bennett. Mono. #15. viii, 153 pp. \$8.25. (1971)

THE PEOPLE'S ACTION PARTY OF SINGAPORE: EMERGENCE OF A DOMINANT PARTY SYSTEM, by
Thomas J. Bellows. Mono. #14. xii, 195 pp. \$8.25. (1970)

EARLY AMERICAN-PHILIPPINE TRADE: THE JOURNAL OF NATHANIEL BOWDITCH IN MANILA, 1776,
by Thomas R. and Mary C. McHale. Mono. #2. viii, 63 pp. \$4.75. (1962)

=====

SEND ORDERS TO:

Yale University
Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, Connecticut 06520

POSTAGE AND HANDLING:

\$1.00 for first volume
\$.50 for each additional volume
Shipment via book rate,
no returns except for damage.

Please make checks payable to Yale University Southeast Asia Studies.

<u>No. of</u> <u>Copies</u>	<u>Description</u>	<u>Total</u>
--------------------------------	--------------------	--------------

Postage/handling _____

Total enclosed _____



ISBN 0-938692-24-0

